

Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU 1

Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 3

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 3

1.1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất 3

1.1.1.1. Khái niệm về chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp 3

1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp 4

1.1.2. Những vấn đề chung về giá thành 8

1.1.2.1. Khái niệm về giá thành sản phẩm xây lắp 8

1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp 8

1.2. KHÁI QUÁT VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 10

1.2.1 Khái quát về kế toán chi phí 10

1.2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất 10

1.2.1.2. Phương pháp hạch toán tập hợp chi phí sản xuất 11

1.2.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp 12

1.2.2. Khái quát về kế toán giá thành sản phẩm 12

1.2.2.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp 12

1.2.2.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp 13

1.2.2.3. Nhiệm vụ của kế toán tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp 16

1.3. KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 16

1.3.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp 16

1.3.1.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 16

1.3.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp 18

1.3.1.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công 20

1.3.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung 23

1.3.1.5 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho toàn doanh nghiệp xây lắp 25

1.3.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ trong doanh nghiệp xây lắp 25

1.3.2.1. Ý nghĩa của việc đánh giá sản phẩm làm dở 26

1.3.2.2. Các phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở 27

1.3.3. Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức sổ kế toán 28

Chương 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT & TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 5 – 8 34

2.1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 5 – 8 34

2.1.1. Khái quát về công ty TNHH một thành viên 5 – 8 34

2.1.1.1 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 34

2.1.1.2. Lĩnh vực cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh 35

2.1.1.3. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty 35

2.1.1.4. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty 36

2.1.1.5 Đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ sản xuất xây lắp tại công ty 38

2.1.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty 40

2.1.3 Vận dụng chế độ kế toán hiện hành tại công ty 41

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT & TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 5 – 8 43

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất 43

2.2.1.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu 44

2.2.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp 56

2.2.1.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công 66

2.2.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung 76

2.2.2. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH một thành viên 5 - 8 84

2.2.2.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp..... 84

2.2.2.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty 88

2.2.2.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty 88

Chương 3. MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 5-8 92

3.1. Nhận xét, đánh giá khái quát về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH một thành viên 5 - 8 92

3.1.1. Những điểm đạt được trong việc tổ chức bộ máy kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng . 93

3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành xây, lắp tại công ty TNHH một thành viên 5 - 8 94

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH một thành viên 5 – 8..... 95

KẾT LUẬN 99

LỜI MỞ ĐẦU

Những năm gần đây thì hầu hết các nước trên thế giới đều nhận thấy đường lối phát triển kinh tế là yếu tố quyết định sự thành bại trong quá trình phát triển kinh tế của một đất nước. Trong đường lối đó quản lý kinh tế tài chính luôn là tổng hoà các mối quan hệ kinh tế, tổng hợp các nội dung và giải pháp tài chính tiền tệ nhằm tạo ra sự phát triển ổn định đi lên của nền kinh tế mỗi quốc gia.

Hiện nay, sự cạnh tranh của nền kinh tế của thị trường diễn ra khá gay gắt. Sự cạnh tranh không đơn thuần là sự cạnh tranh về chất lượng sản phẩm mà còn về giá thành sản phẩm phù hợp với nền kinh tế, nhưng sự cạnh tranh về chất lượng sản phẩm luôn được coi là mục tiêu hàng đầu đối với mỗi doanh nghiệp, hạ giá thành những vẫn đảm bảo về chất lượng sản phẩm góp phần tạo nên vị trí cạnh tranh, tạo uy tín trên thương trường cũng như tạo được mục tiêu lợi nhuận trong doanh nghiệp. Để đạt được điều đó thì doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm .

Việc tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là tiền đề giúp cho doanh nghiệp xác định một cách chính xác chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cũng như việc kiểm soát chi phí sản xuất phát sinh trong từng bộ phận của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu mà phòng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm cung cấp, ban lãnh đạo có thể biết được chi phí phát sinh, giá thành của từng sản phẩm cũng như xác định được kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó có thể phân tích đánh giá tình hình thực hiện định mức dự toán về chi phí sử dụng lao động, sử dụng vật tư lao động... để từ đó đề ra được biện pháp giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm kịp thời với sự phát triển kinh doanh và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

Với những ý nghĩa trên, trong doanh nghiệp sản xuất thì việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được coi là công tác trọng tâm của doanh nghiệp.

Nhận thức rõ sự cần thiết của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH một thành viên 5 – 8 em đã chọn đề tài : “Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH một thành viên 5 – 8” làm đề tài làm khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu của bài khóa luận ngoài mở đầu, kết cấu danh mục tài liệu tham khảo gồm 3 chương

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH một thành viên 5 – 8

Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH một thành viên 5 – 8

Mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng do thời gian có hạn, do trình độ nhận thức cũng như kinh nghiệm còn hạn chế, nên chắc chắn bài luận văn này còn nhiều thiếu sót. Do đó, em rất mong được sự góp ý chân thành của các thầy cô giáo khoa kế toán kiểm toán, các cô chú trong phòng kế toán công ty TNHH một thành viên 5 – 8 và các bạn để em có thể sửa chữa những nhận thức chưa đúng, những thiếu sót và tích lũy thêm kiến thức cho bản thân mình.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất

1.1.1.1. *Khái niệm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp*

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các hao phí cần thiết khác để thực hiện sản xuất thi công trong một thời kì nhất định. Chi phí sản xuất đó rất đa dạng gồm nhiều loại với nội dung kinh tế, công dụng và mục đích khác nhau trong mỗi giai đoạn của quá trình thi công xây lắp.

Các chi phí mà doanh nghiệp chi ra cấu thành nên giá trị của sản phẩm bao gồm ba bộ phận

$$G = C + V + M$$

Trong đó:

G: Giá trị sản phẩm, lao vụ, dịch vụ

C: Hao phí lao động vật hóa

M: Giá trị mới do lao động sống tạo ra trong quá trình hoạt động tạo ra giá trị sản phẩm.

Như vậy, về mặt lượng chi phí sản xuất phụ thuộc vào hai yếu tố:

- Khối lượng lao động và tư liệu sản xuất đã bỏ ra trong quá trình sản xuất ở một thời kì nhất định.
- Giá trị tư liệu sản xuất đã tiêu hao trong quá trình sản xuất và tiền lương của một đơn vị đã hao phí.

Trong điều kiện kinh tế thị trường luôn luôn biến động, việc đánh giá chính xác chi phí sản xuất chẳng những là một yếu tố khách quan mà còn là một yêu cầu hết sức quan trọng trong việc cung cấp thông tin cần thiết cho yêu cầu quản lý

của lãnh đạo doanh nghiệp. Nhất là trong điều kiện hiện nay, doanh nghiệp phải tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh phải có lãi và bảo toàn được vốn.

1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Trong doanh nghiệp xây lắp, các chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại có tính chất kinh tế công dụng khác nhau. Do đó yêu cầu quản lý của từng loại chi phí cũng khác nhau, việc quản lý chi phí không thể chỉ dựa vào số liệu phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất mà còn phải căn cứ vào từng loại chi phí riêng biệt để phục vụ và phân tích toàn bộ các chi phí sản xuất theo từng yếu tố kinh tế ban đầu của chúng, theo từng công trình, từng nơi phát sinh và chịu chi phí. Do vậy phải có sự phân loại chi phí sản xuất. Việc phân loại chi phí sản xuất một cách khoa học có ý nghĩa rất lớn đối với công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Trên cơ sở phân loại chi phí sản xuất, căn cứ vào nội dung của chi phí phát sinh, kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất cho các đối tượng có liên quan. Bên cạnh đó, việc phân loại còn giúp cho doanh nghiệp không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm công tác xây lắp.

Việc phân loại chi phí sản xuất được tiến hành dựa trên nhiều tiêu thức khác nhau tùy thuộc vào mục đích và yêu cầu cụ thể của từng doanh nghiệp. Mỗi cách phân loại đều có công dụng nhất định đối với công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra, kiểm soát chi phí. Sau đây em xin đưa ra một số cách phân loại chi phí sản xuất được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất phát sinh nếu có cùng nội dung kinh tế được sắp chung vào một yếu tố bất kể là nó phát sinh ở bộ phận nào, dùng để sản xuất ra sản phẩm gì.

Theo quy định hiện nay thì chi phí sản xuất được phân thành 5 yếu tố:

- Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm chi phí về các loại đối tượng lao động là nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, thiết bị xây dựng cơ bản...

- Chi phí nhân công: Là toàn bộ tiền công, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương và các khoản phải trả cho người lao động.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là toàn bộ số tiền phải trích khấu hao tài sản cố định sử dụng trong doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là số tiền phải trả về các loại chi phí dịch vụ mua ngoài thuê ngoài như chi phí điện, nước, điện thoại...
- Chi phí khác bằng tiền: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài bốn yếu tố trên.

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố giúp cho việc xây dựng và lập dự toán chi phí sản xuất cũng như lập kế toán cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ tiền lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức. Đồng thời giúp doanh nghiệp đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật và tài chính.

Ngoài ra phân loại chi phí theo yếu tố còn cho phép cơ quan quản lý cấp trên kiểm tra chi phí sản xuất của doanh nghiệp, hao phí vật chất và thu nhập quốc dân.

Phân loại chi phí theo khoản mục trong giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là chi phí về các loại vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu và các thiết bị đi kèm với vật kiến trúc như thiết bị vệ sinh, thông gió, điều hòa nhiệt độ...
- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp kể cả công nhân của công ty và công nhân thuê ngoài.
- Chi phí sử dụng máy thi công: là chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công trực tiếp cho việc thực hiện sản phẩm xây lắp bao gồm chi phí khấu hao máy thi công, tiền thuê máy thi công, tiền lương của công nhân điều khiển máy thi công, chi phí nhiên liệu, động lực, dầu mỡ dùng cho máy thi công, chi phí sửa chữa máy thi công...
- Chi phí sản xuất chung: là các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí trên phát sinh ở tổ đội, công trường xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm

thất nghiệp và tiền ăn ca của công nhân viên toàn đội xây dựng: vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng cho đội xây dựng, khấu hao tài sản cố định dùng chung cho đội xây dựng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác dùng chung cho đội xây dựng.

Theo cách phân loại này, mỗi chi phí thể hiện điều kiện khác nhau của chi phí sản xuất, thể hiện nơi phát sinh chi phí, đối tượng gánh chịu chi phí làm cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp theo khoản mục, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành...

Phân loại chi phí trong mối quan hệ với khối lượng hoạt động

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được phân thành:

a. Chi phí khả biến (biến phí)

Biến phí là các chi phí thay đổi về tổng số tỷ lệ với sự thay đổi của mức độ hoạt động. Khối lượng hoạt động có thể là sản phẩm hoàn thành, số giờ máy hoạt động...

b. Định phí

Định phí là các chi phí mà tổng số tỷ lệ với sự thay đổi của mức độ hoạt động thực hiện. Gồm các loại định phí sau:

- Định phí tuyệt đối: Là các chi phí mà tổng số không thay đổi khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động còn chi phí trung bình của một đơn vị hoạt động thì giảm đi. Ví dụ tiền lương trả theo thời gian...
- Định phí tương đối (định phí cấp bậc): Trường hợp trữ lượng (khả năng) của các yếu tố sản xuất tiềm tàng đã khai thác hết, muốn tăng được khối lượng cần bổ sung, đầu tư các khả năng sản xuất tiềm tàng mới, trường hợp này sẽ xuất hiện chi phí bất biến cấp bậc.
- Định phí bắt buộc: Là định phí không thể thay đổi được một cách nhanh chóng vì chúng thường liên quan đến tài sản cố định và cấu trúc tổ chức cơ bản của một doanh nghiệp.

Định phí bắt buộc có hai đặc điểm:

- + Có bản chất sử dụng lâu dài.
- + Không thể giảm bớt đến số không trong một thời gian ngắn

- Định phí tùy ý (không bắt buộc): Là các định phí có thể được thay đổi nhanh đổi nhanh chóng bằng các quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp. Kế hoạch của các định phí tùy ý là ngắn hạn, thông thường một năm. Các chi phí này có thể được cắt giảm trong những trường hợp cần thiết. Ví dụ như chi phí quảng cáo, chi phí đào tạo nhân viên...

c. Chi phí hỗn hợp

Chi phí hỗn hợp là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả yếu tố định phí và biến phí. Ví dụ như chi phí điện thoại, fax...

Mục đích của cách phân loại này là để thiết kế và xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ chi phí, khối lượng. Đồng thời xác định xu hướng tác động lên chi phí nếu là chi phí. Nếu là biến phí tác động để tiết kiệm tổng biến phí và biến phí đơn vị. Còn đối với định phí nhằm nâng cao hiệu lực của chi phí trong sản xuất kinh doanh bằng cách tăng khối lượng hoạt động vì đặc điểm của định phí là không thay đổi. Mặt khác, phân loại theo cách này còn để xem xét xác định điểm hòa vốn và xem xét các quyết định trong sản xuất kinh doanh.

Phân loại chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo mối quan hệ và khả năng quy nạp chi phí vào đối tượng kế toán chi phí

Theo tiêu thức này, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh được chia thành : chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

a. Chi phí trực tiếp

Chi phí trực tiếp là những chi phí chỉ quan hệ trực tiếp đến việc sản xuất một công trình, hạng mục công trình nên hoàn toàn có thể hạch toán quy nạp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình đó.

b. Chi phí gián tiếp

Chi phí gián tiếp là những chi phí có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình khác nhau nên phải tập hợp quy nạp cho từng đối tượng bằng phương pháp phân bổ gián tiếp.

Cách phân loại này có ý nghĩa thuần túy đối với kỹ thuật hạch toán. Trường hợp có phát sinh chi phí gián tiếp, bắt buộc phải áp dụng phương pháp phân bổ, lựa chọn phương thức phân bổ phù hợp. Mức độ chính xác của chi phí

gián tiếp tập hợp cho từng đối tượng phụ thuộc vào tính hợp lý và khoa học của tiêu chuẩn phân bổ chi phí. Vì vậy, các nhà quản trị doanh nghiệp phải hết sức quan tâm đến việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí.

Tóm lại, mỗi cách phân loại chi phí sản xuất có ý nghĩa riêng phục vụ cho từng yêu cầu quản lý và đối tượng cung cấp thông tin cụ thể. Nhưng chúng luôn bổ sung cho nhau nhằm quản lý có hiệu quả nhất về toàn bộ chi phí phát sinh trong phạm vi toàn doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

1.1.2. Những vấn đề chung về giá thành

1.1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp

Giá thành sản phẩm hoặc lao vụ dịch vụ là biểu hiện bằng tiền của chi phí sản xuất tính cho một khối lượng sản phẩm hoặc công việc lao vụ dịch vụ đã hoàn thành. Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu chất lượng quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp cũng như đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng tài sản, vật tư tiền vốn trong quá trình sản xuất, cũng như phản ánh tính đúng đắn về tổ chức kinh tế - kỹ thuật – công nghệ mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ chi phí sản xuất và nâng cao lợi nhuận của doanh nghiệp. Giá thành còn là căn cứ để xác định giá bán và xác định hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh.

1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm và nguồn số lượng để tính giá thành.

Theo cách phân loại này thì giá thành chia làm ba loại:

Giá thành kế hoạch: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Việc tính giá thành kế hoạch thực hiện và được tính trước khi sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.

Giá thành định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định

mức cũng được xác định trước khi tiến hành sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành định mức là cơ sở để doanh nghiệp quản lý theo định mức là thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng tài sản, vật tư lao động trong sản xuất, giúp cho việc đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Giá thành thực tế: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh và đã tập hợp được trong kì sản xuất kinh doanh, cũng như sản lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được sau khi kết thúc quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm và được tính toán cho cả chỉ tiêu giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước.

Phân loại căn cứ vào phạm vi chi phí cấu thành

Theo cách phân loại này thì giá thành được chia thành hai loại.

Giá thành sản xuất: Là các chi phí sản xuất chế tạo sản phẩm tính cho sản phẩm lao vụ hoặc công việc đã hoàn thành.

Giá thành sản xuất được sử dụng để ghi sổ cho sản phẩm nhập kho, công việc lao vụ đã hoàn thành hoặc chuyển thẳng cho khách hàng là căn cứ để tính giá trị vốn hàng bán và lãi gộp doanh nghiệp.

Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ: bao gồm giá thành sản xuất và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm tiêu thụ trong kỳ.

Giá thành toàn bộ sản phẩm chỉ được tính toán và xác định khi sản phẩm, công việc, lao vụ dịch vụ đã được xác nhận là tiêu thụ. Giá thành toàn bộ sản phẩm là cơ sở để xác định lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

Giá thành sản phẩm, công việc lao vụ dịch vụ có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp trong việc xác định giá bán, xác định hiệu quả sản xuất kinh doanh...mà còn có ý nghĩa với cả xã hội vì hạ giá thành sản phẩm sẽ mang lại không những lợi nhuận cho doanh nghiệp, mà còn tạo ra nguồn thu

cho ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế. Tích kiệm chi phí sản xuất sản phẩm, hạ giá thành sản xuất sẽ tạo ra sự tiết kiệm lao động xã hội, tăng tích lũy cho nền kinh tế quốc dân.

1.2.KHÁI QUÁT VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẬP

1.2.1 Khái quát về kế toán chi phí

1.2.1.1.Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp phát sinh ở nhiều địa điểm khác nhau, dùng vào các quá trình sản xuất với mục đích công dụng khác nhau, vì vậy khâu quan trọng đầu tiên trong việc kế toán chi phí sản xuất là xác định xem các chi phí sản xuất đó liên quan đến phân xưởng, bộ phận sản xuất nào, đến sản phẩm dịch vụ nào, đến quy trình công nghệ nào... việc xác định đó chính là nội dung xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn mà các chi phí sản xuất cần được tổ chức tập hợp theo phạm vi giới hạn đó nhằm phục vụ cho việc kiểm tra giám sát tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Căn cứ để xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí:

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp:
 - + Trường hợp doanh nghiệp tổ chức thành phân xưởng, mỗi phân xưởng đảm nhận một giai đoạn công nghệ hoặc toàn bộ quy trình công nghệ thì đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất thích hợp là từng phân xưởng.
 - + Trường hợp doanh nghiệp tổ chức thành phân xưởng nhưng trong phân xưởng đó lại tổ chức nhiều loại sản phẩm khác nhau, có quy trình riêng biệt thì đối tượng thích hợp là từng phân xưởng, trong đó lại chi tiết cho từng sản phẩm khác nhau.
 - + Trường hợp những doanh nghiệp không tổ chức thành phân xưởng mà có quy trình công nghệ khép kín thì đối tượng thích hợp là toàn bộ quy trình công nghệ.
- Căn cứ vào quy trình công nghệ, chế tạo sản phẩm.
 - + Nếu doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất đơn giản, sản phẩm không qua giai đoạn chế biến thì toàn bộ quy trình công nghệ là một đối tượng.

+ Nếu doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu liên tục hay kiểu song song thì đối tượng thích hợp là từng giai đoạn của quy trình công nghệ (từng phân xưởng)

Ngoài ra còn căn cứ vào loại hình sản xuất của doanh nghiệp như sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt, căn cứ vào mục đích, công dụng của chi phí đối với quá trình sản xuất, căn cứ vào trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình mà các doanh nghiệp luôn phải linh hoạt trong việc lựa chọn đối tượng tập hợp chi phí sao cho hợp lý, phù hợp nhất đảm bảo tập hợp chi phí được đầy đủ giúp việc tính giá thành chính xác và đánh giá đúng được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.2.1.2. Phương pháp hạch toán tập hợp chi phí sản xuất

Phương pháp trực tiếp: Áp dụng cho các chi phí có liên quan đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định và công tác hạch toán ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.

Phương pháp tập hợp gián tiếp: Áp dụng khi một loại chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất mà không thể trực tiếp tập hợp cho một đối tượng được.

Trong trường hợp này các doanh nghiệp phải lựa chọn tiêu chuẩn (tiêu thức) hợp lý để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan theo công thức:

$$C_i = \frac{C}{T_i} * t_i$$

Trong đó:

C_i : Chi phí sản xuất phân bổ cho đối tượng i

C : Tổng chi phí sản xuất phát sinh đã tập hợp được cần phân bổ

T_i : Tổng đại lượng tiêu chuẩn dùng để phân bổ

t_i : Đại lượng của tiêu chuẩn cần phân bổ

Tùy vào từng trường hợp cụ thể mà doanh nghiệp tiến hành lựa chọn đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ sao cho hợp lý. Tính hợp lý của tiêu chuẩn phân

bổ là cơ sở đảm bảo độ tin cậy của thông tin được cung cấp.

1.2.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Trong hoạt động sản xuất đặc biệt là lĩnh vực xây lắp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, xây dựng giá thầu hợp lý là điều kiện cần thiết để doanh nghiệp có thể cạnh tranh và đứng vững trên thị trường. Do đó để phát huy được vai trò của kế toán đòi hỏi kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- + Xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí, đối tượng tính giá thành sản phẩm khoa học phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- + Ghi chép, tính toán, phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của hoạt động xây lắp, xác định hiệu quả từng phần và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- + Tổ chức tập hợp chi phí và phân bổ từng loại chi phí theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định bằng phương pháp đã chọn, cung cấp kịp thời các thông tin, số liệu tổng hợp về các khoản chi phí và yếu tố chi phí quyết định, xác định đúng đắn chi phí phân bổ cho các sản phẩm dở dang cuối kì.

- + Định kỳ cung cấp báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cho lãnh đạo doanh nghiệp tiến hành phân tích các định mức chi phí, dự toán tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ giá thành sản phẩm, phát hiện kịp thời khả năng tiềm tàng, đề xuất các biện pháp thích hợp để phấn đấu không ngừng tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

1.2.2. Khái quát về kế toán giá thành sản phẩm

1.2.2.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, lao vụ,...do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải tính giá thành và giá thành đơn vị công việc tính toán giá thành đơn vị là nhằm xác định giá thành thực tế của từng loại sản phẩm và toàn bộ sản phẩm đã hoàn thành

Để xác định đúng đắn đối tượng giá thành sản phẩm kế toán phải căn cứ vào:

- + Đặc điểm tổ chức sản xuất và cơ cấu sản xuất
- + Quy trình công nghệ sản xuất, chế tạo sản phẩm
- + Đặc điểm sử dụng sản phẩm nửa thành phần
- + Trình độ quản lý
- + Các yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành của doanh nghiệp.

Việc xác định đúng đắn đối tượng tính giá thành sản xuất sẽ là căn cứ để kế toán mở các sổ chi tiết, bảng tính giá thành sản phẩm theo từng đối tượng quản lý, là căn cứ để kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp xây dựng, do tổ chức sản xuất đơn chiếc nên đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

1.2.2.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Phương pháp tính giá thành là phương pháp sử dụng các số liệu mà kế toán đã tập hợp được để tính giá thành thực tế sản phẩm công việc đã hoàn thành theo khoản mục đã quy định và đối tượng tính giá thành. Việc tính giá thành sẽ được phản ánh trên các bảng biểu tính giá thành và qua đó ta thấy được phương pháp tính giá thành của công việc. Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành phải được xuất phát từ quy trình sản xuất tại doanh nghiệp, mối quan hệ giữa đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Nếu doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất đơn giản thì nên tính giá thành đơn giản.

Nếu doanh nghiệp sản xuất một loại sản phẩm có nhiều quy cách phẩm chất khác nhau thì sử dụng phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ hoặc hệ số.

Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt theo từng đơn đặt hàng và theo từng loại hàng thì doanh nghiệp tính giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng.

Phương pháp tính giá thành đơn giản

Theo phương pháp này căn cứ vào chi phí sản xuất đã tổng hợp được và chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, cuối kỳ để xác định giá thành sản phẩm.

$$Z = S_0 + \text{chi phí phát sinh trong kỳ} - S_1$$

$$z = Z/Q$$

Trong đó: S_0 : chi phí dở dang đầu kỳ

S_1 : Chi phí dở dang cuối kỳ

Z : Giá thành đơn vị

Q : Sản lượng sản xuất ra trong kỳ

Phương pháp tính giá thành theo hệ số.

Theo phương pháp này thì đối tượng chi phí là tất cả quy trình công nghệ sản xuất còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm do quy trình công nghệ đó sản xuất hoàn thành. Phương pháp này căn cứ vào đặc điểm kinh tế kỹ thuật của sản phẩm để đặt cho mỗi loại sản phẩm một hệ số trong đó chọn sản phẩm tiêu chuẩn là hệ số 1. Sau đó căn cứ vào từng loại sản phẩm và hệ số giá thành đã quy định để quy đổi hệ số của từng loại sản phẩm theo sản lượng sản phẩm tiêu chuẩn.

$$\text{Tổng SL thực tế quy đổi ra SL sp tiêu chuẩn} = \sum_1^n S_i x H_i$$

Trong đó: S_i : Sản lượng thực tế của sản phẩm

H_i : Hệ số quy đổi cho sản phẩm

$$Z \text{ thực tế sp} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của sp}}{\text{Tổng sp thực tế quy đổi ra sp tiêu chuẩn}} \times \begin{matrix} \text{Số lượng sp} \\ \text{quy đổi} \end{matrix}$$

Phương pháp tỷ lệ chi phí

Phương pháp này thường áp dụng với những doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách phẩm chất khác nhau. Để giảm bớt khối lượng công tác

hạch toán, kế toán thường tập hợp chi phí theo từng loại sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí thực tế và chi phí sản xuất kế hoạch hoặc định mức kế toán tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm của từng loại.

$$Z \text{ sản phẩm từng loại} = Z_{KH}(\text{định mức từng loại}) \times \text{hệ số chi phí}$$

$$\text{Hệ số chi phí} = \frac{\text{Tổng chi phí sx thực tế của tất cả loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành KH(định mức) của các loại sản phẩm}}$$

Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ

Phương pháp này thường áp dụng với những doanh nghiệp sản xuất trong ngành nông nghiệp, chế biến,...

$$\text{Z đơn vị sp chính} = \frac{\text{CP sx dd đầu kỳ} + \text{Tổng ps trong kỳ} - \text{CP sx dd cuối kỳ} - \text{giá trị sp phụ}}{\text{Tổng sản phẩm chính}}$$

Phương pháp tính giá thành theo kiểu phân bước

Được áp dụng trong các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp gồm các bước chế biến tiếp ở nhiều bộ phận khác nhau.

$$Z \text{ sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$$

Phương pháp tính giá thành theo giá thành định mức

Theo phương pháp này thì giá thành sản phẩm định mức thường được tính vào đầu tháng, áp dụng cho các doanh nghiệp tính giá thành theo từng tháng một. Vì vậy giá thành thực tế sản xuất thường không chênh lệch so với giá thành định mức

Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Đặc điểm của việc hạch toán chi phí trong doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng thì toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp theo đơn đặt hàng không kể đơn đặt hàng theo số lượng ít hay nhiều hoặc công nghệ đơn giản hay phức tạp.

Vì vậy những chi phí trực tiếp phát sinh trong kỳ liên quan đến đơn đặt hàng nào thì tập hợp chi phí theo đơn đặt hàng đó theo các chứng từ gốc hoặc

theo bảng phân bổ chi phí. Còn chi phí sản xuất chung thì cuối kỳ sẽ phân bổ chi phí theo từng đơn đặt hàng cho phù hợp.

1.2.2.3. Nhiệm vụ của kế toán tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp

Để tổ chức tốt công tác kế toán tính giá thành sản phẩm, đáp ứng kịp thời nhu

cầu thông tin cho các nhà quản lý về giá thành ở doanh nghiệp, kế toán cần phải

thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Căn cứ vào đặc điểm của quy trình công nghệ, đặc điểm của chi phí, đặc điểm sản phẩm và yêu cầu tổ chức sản xuất, yêu cầu công tác quản lý của doanh nghiệp ... mà xác định đối tượng và phương pháp tính giá thành phù hợp.

+ Tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán tính giá thành sản phẩm phù hợp với kế toán hàng tồn kho(KKTX hoặc KKĐK) mà doanh nghiệp áp dụng.

+ Lập các báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố (trên thuyết minh báo cáo tài chính) định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp.

+ Tổ chức kiểm kê đánh giá khối lượng sản phẩm dở dang một cách khoa học hợp lý, xác định giá thành và hạch toán giá thành sản phẩm trong kỳ một cách đầy đủ và chính xác.

1.3. KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.3.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Chi phí NVLTT trong doanh nghiệp xây lắp là những chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kết, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình xây lắp hoặc giúp cho việc hoàn thành khối lượng xây lắp. NVL trong đơn vị xây lắp thường bao gồm : sắt, thép, xi măng, gạch, gỗ, cát, đá, sỏi, tấm xi măng đúc sẵn, kèo sắt, cốt pha, đà giáo...

chi phí này không bao gồm các khoản chi phí về vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và sử dụng cho quản lý đội công trình.

Đối với các doanh nghiệp xây lắp khi hạch toán CPNVLTT, kế toán phải tôn trọng những nguyên tắc sau:

➤ Vật liệu sử dụng cho hoạt động xây lắp của công trình, hạng mục công trình nào phải tính trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc có liên quan(như: phiếu xuất kho hóa đơn mua hàng hóa, vật tư ...) theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá thực tế xuất kho)

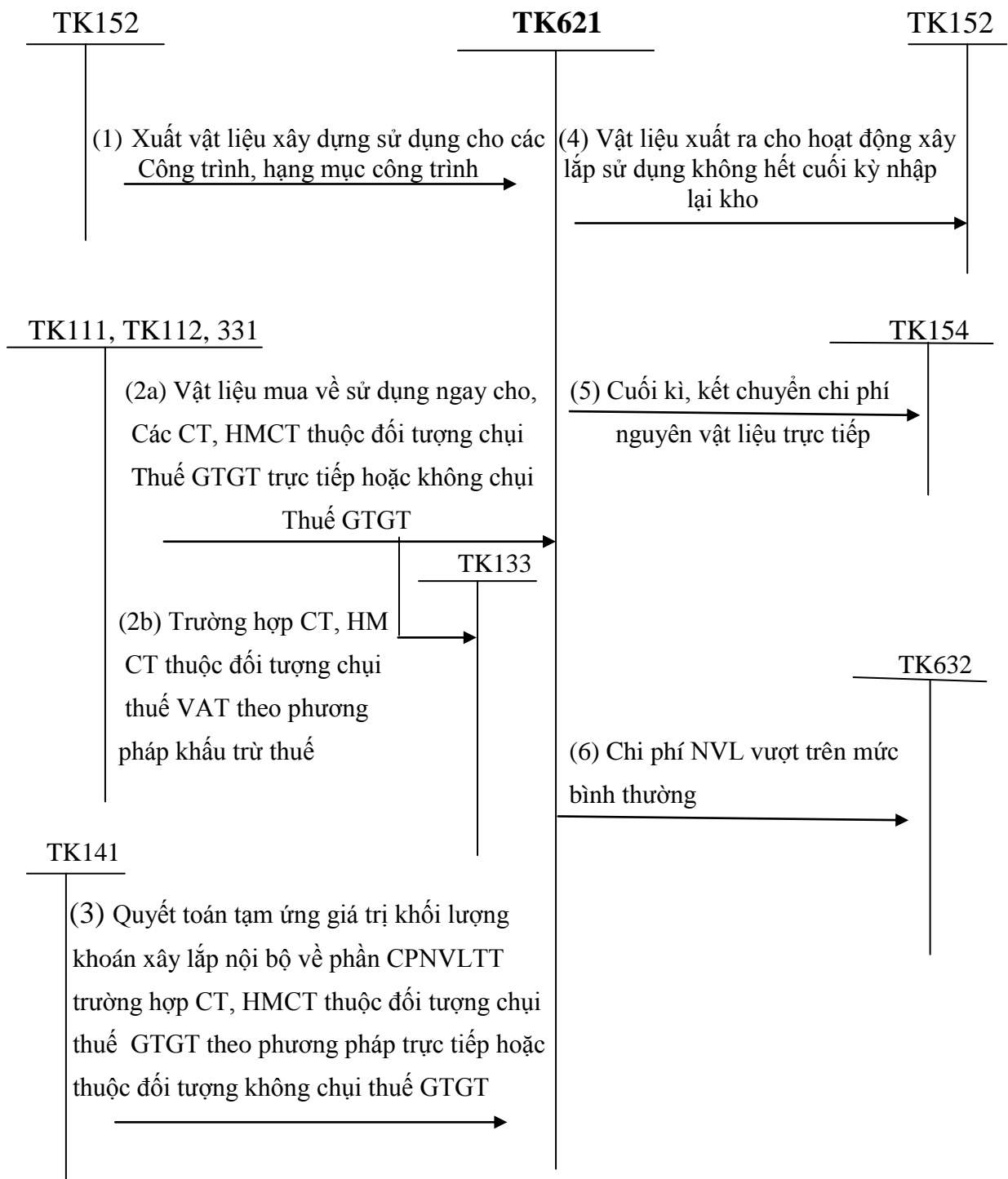
➤ Cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật tư chưa sử dụng hết và phải hạch toán đúng đắn trị giá phế liệu thu hồi để có căn cứ xác định đúng đắn số vật tư thực tế sử dụng cho công trình, hạng mục công trình đó.

➤ Đối với trường hợp vật tư sử dụng cho nhiều công trình, hạng mục công trình mà không thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình thì kế toán phải phân bổ CPNVLTT cho từng công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức hợp lý như: theo định mức tiêu hao vật tư, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo dự toán ...

- Để tập hợp chi phí nguyên liệu trực tiếp, kế toán doanh nghiệp xây lắp sử dụng TK 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Nội dung TK 621: phản ánh các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho việc sản xuất sản phẩm, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất

Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến chi phí nhân công trực tiếp ở doanh nghiệp xây lắp thể hiện qua sơ đồ 1.1 (Trang bên)



Sơ đồ 1.1: Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

1.3.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí NCTT là toàn bộ chi phí tiền lương, tiền công phải trả cho số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài. Chi phí

nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp không bao gồm các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp xây lắp(BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) như ở các doanh nghiệp sản xuất thông thường khác.

Khi hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán doanh nghiệp xây lắp cần phải tôn trọng những quy định sau:

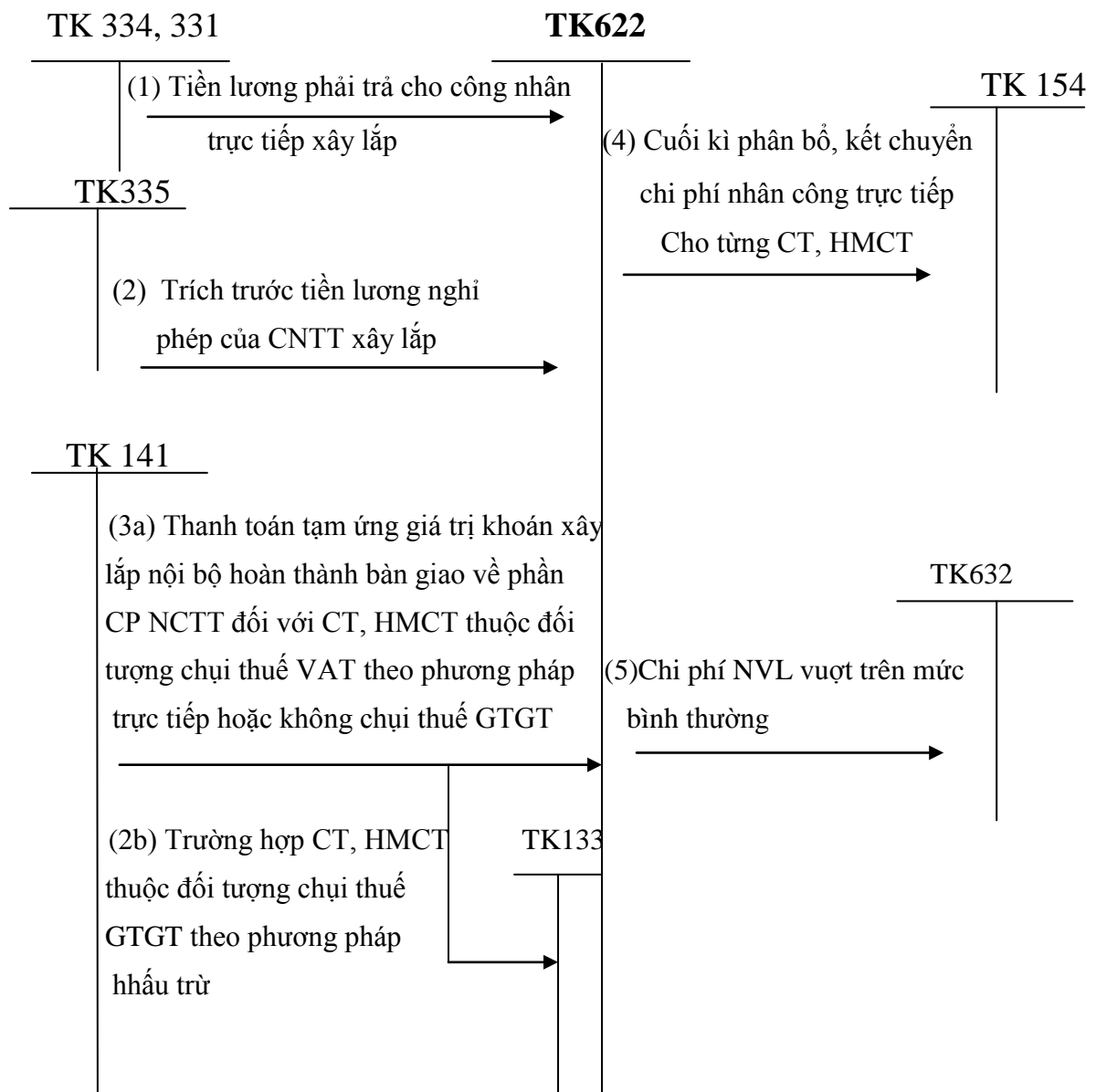
➤ Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó căn cứ trên cơ sở các chứng từ gốc về lao động và tiền lương. Trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp không thể hạch toán trực tiếp chi phí nhân công trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình được thì kế toán phải phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức phù hợp như : theo tiền lương định mức hay gia công định mức

➤ Đối với các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp xây lắp không tính vào chi phí nhân công trực tiếp mà được tính vào chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp.

- Tài khoản: Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán trong doanh nghiệp xây lắp sử dụng TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp.

- Nội dung của TK 622 tài khoản này sử dụng để phản ánh số chi phí về lao động trực tiếp tham gia vào quá trình SXKD.

- Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến chi phí nhân công trực tiếp ở doanh nghiệp xây lắp thể hiện qua sơ đồ 1.2



Sơ đồ 1.2: Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

1.3.1.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công

Máy thi công là các loại xe máy chạy bằng động lực được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình như: máy trộn bê tông, cần cẩu, máy đào xúc đất, máy ủi, máy đóng cọc, ô tô vận chuyển đất đá ở công trường...

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công. Chi phí này được chia làm hai loại là chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời

Chi phí thường xuyên là những chi phí phát sinh thường xuyên trong quá trình sử dụng xe máy thi công và được tính thẳng vào giá thành của ca máy như: chi phí về nhân công điều khiển máy, chi phí nguyên nhiên vật liệu phục vụ ca máy, tiền thuê ca máy...

Chi phí tạm thời là những chi phí phải phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy thi công như: chi phí tháo lắp, vận chuyển, chạy thử máy thi công thì di chuyển từ công trình này đến công trình khác ... Đối với các khoản chi phí máy thường xuyên được tính trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng còn đối với chi phí tạm thời có thể phân bổ dần hoặc trích trước vào chi phí theo kế hoạch cho nhiều kỳ.

Khi hạch toán chi phí sử dụng máy thi công, kế toán trong doanh nghiệp xây lắp cần tôn trọng những quy định sau:

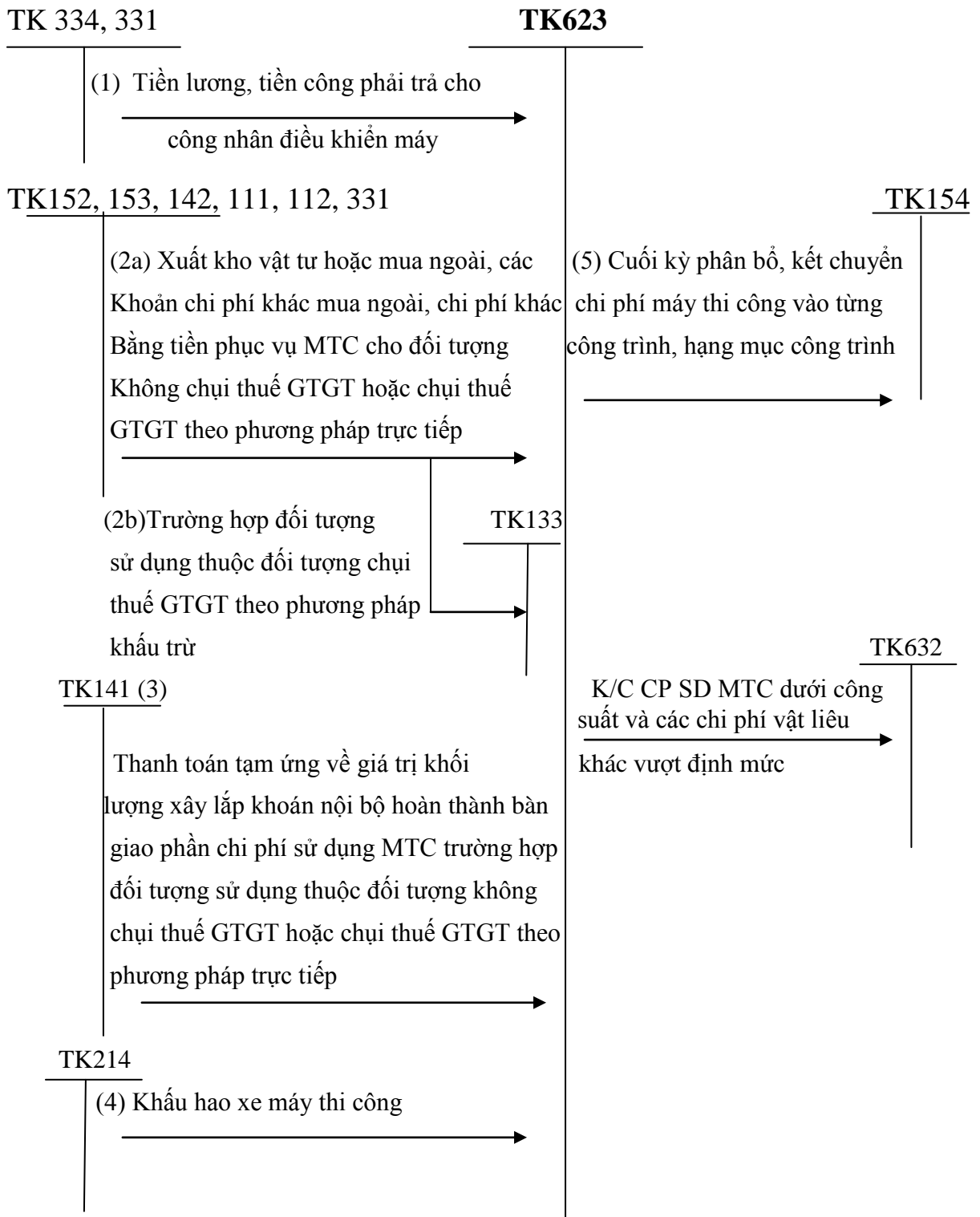
➤ Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phải phù hợp với hình thức quản lý sử dụng máy thi công của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt mà giao máy thi công cho các đội, các xí nghiệp xây lắp sử dụng thì chi phí sử dụng máy phát sinh được hạch toán vào TK623 – chi phí sử dụng máy thi công. Nếu doanh nghiệp xây lắp tổ chức đội máy thi công riêng thì tùy thuộc vào đội máy có tổ chức kế toán riêng hay không mà chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán phù hợp.

➤ Khi tính toán, phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các đối tượng sử dụng phải dựa trên cơ sở giá thành một giờ/ máy hoặc giá thành một ca/máy hoặc một đơn vị khối lượng thi công bằng máy hoàn thành.

- Để hạch toán chi phí máy thi công, kế toán doanh nghiệp xây lắp sử dụng tài khoản TK623 – chi phí sử dụng máy thi công.

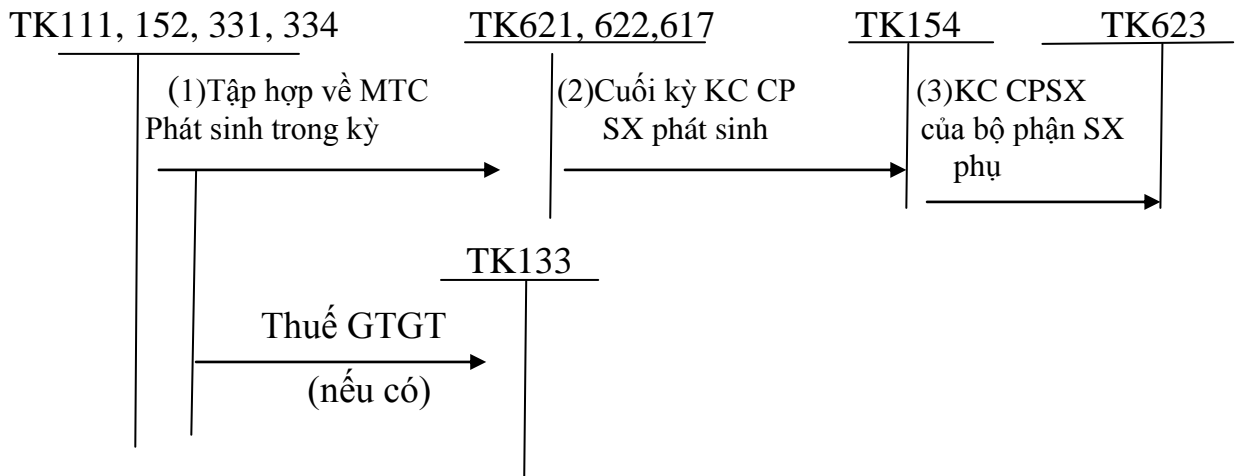
- Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến chi phí sử dụng máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp thể hiện qua các sơ đồ

+ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt

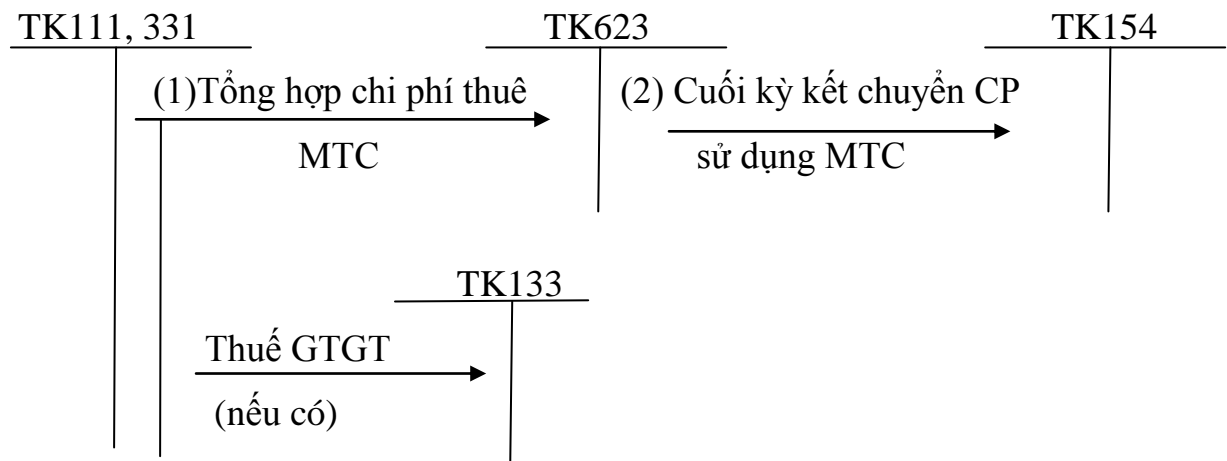


Sơ đồ 1.3: Tập hợp phí máy thi công xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt

+ Trường hợp doanh nghiệp có tổ chức hạch toán kế toán riêng



Sơ đồ 1.4: Tập hợp chi phí máy thi công có tổ chức hạch toán kế toán riêng
+ Trường hợp chi phí thuê ngoài máy thi công



Sơ đồ 1.5: Tập hợp chi phí thuê ngoài máy thi công

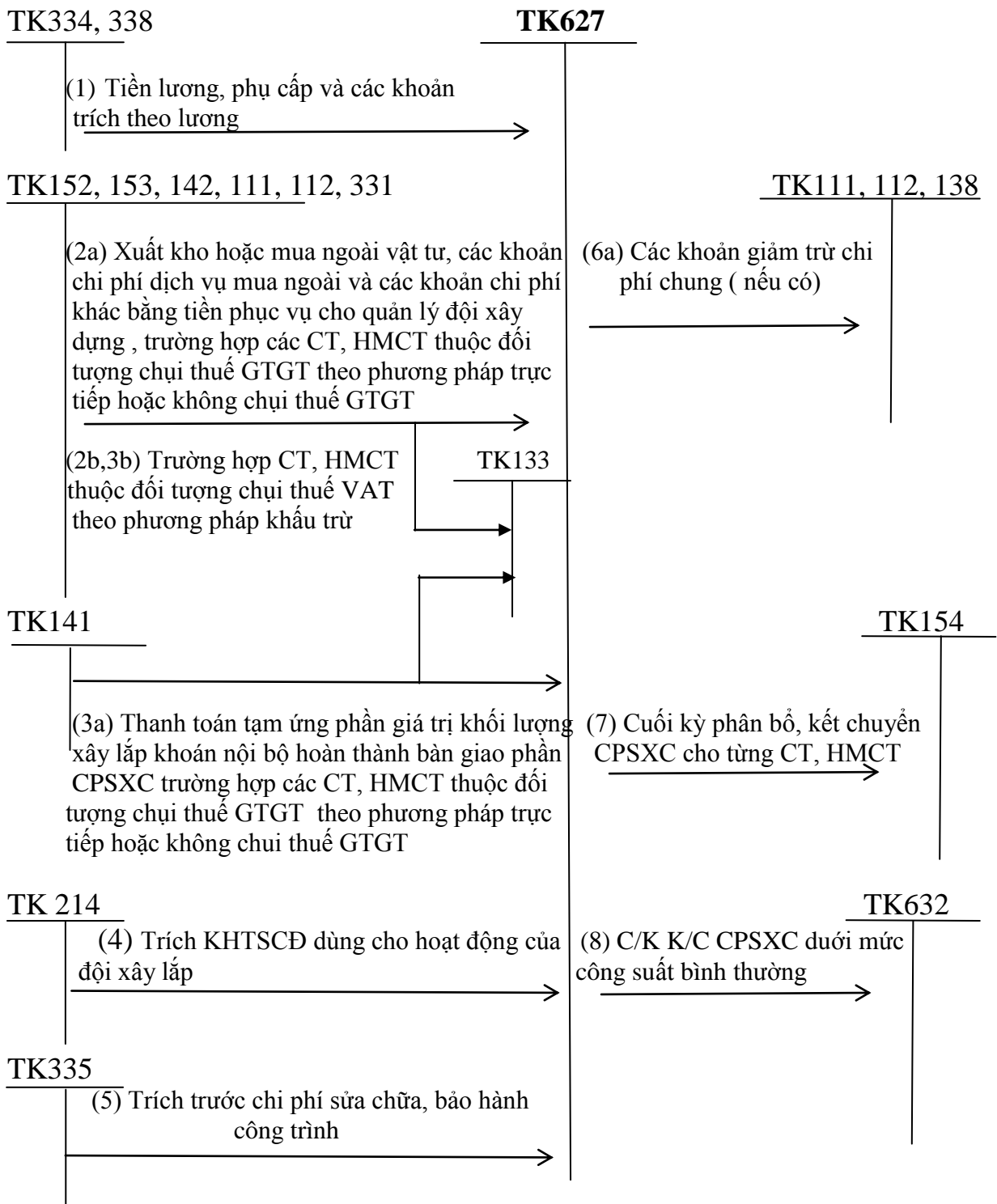
1.3.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức phục vụ quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây dựng, bao gồm các chi phí như: Tiền lương nhân viên quản lý đội xây dựng, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây, lắp, công nhân sử dụng MTC và nhân viên quản lý đội, KH TSCĐ dùng cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động chung của đội xây, lắp.

Khi hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán doanh nghiệp xây lắp cần tôn trọng những quy định sau:

- Phải tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình, hạng mục công trình đồng thời phải chi tiết theo các điều khoản quy định.
 - Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất chung.
 - Khi thực hiện khoán chi phí sản xuất chung cho các đội xây dựng phải quản lý tốt chi phí đã giao khoán, từ chối không thanh toán cho các đội nhận khoán số chi phí sản xuất chung ngoài dự toán, bất hợp lý.
 - Trường hợp chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp khác nhau, kế toán phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng có liên quan theo tiêu thức hợp lý như: Chi phí nhân công trực tiếp hoặc chi phí sản xuất theo dự toán.
- Để hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán doanh nghiệp xây lắp sử dụng TK 627- chi phí sản xuất chung.

Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến hạch toán chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp xây lắp thể hiện qua sơ đồ 1.6 (trang bên)



Sơ đồ 1.6: Tập hợp chi phí sản xuất chung

1.3.1.5 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho toàn doanh nghiệp xây lắp

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp khi phát sinh thực tế đã được tập hợp trên các TK 621, TK622, TK 623, TK 627. Vào cuối kỳ kế toán kết chuyển vào

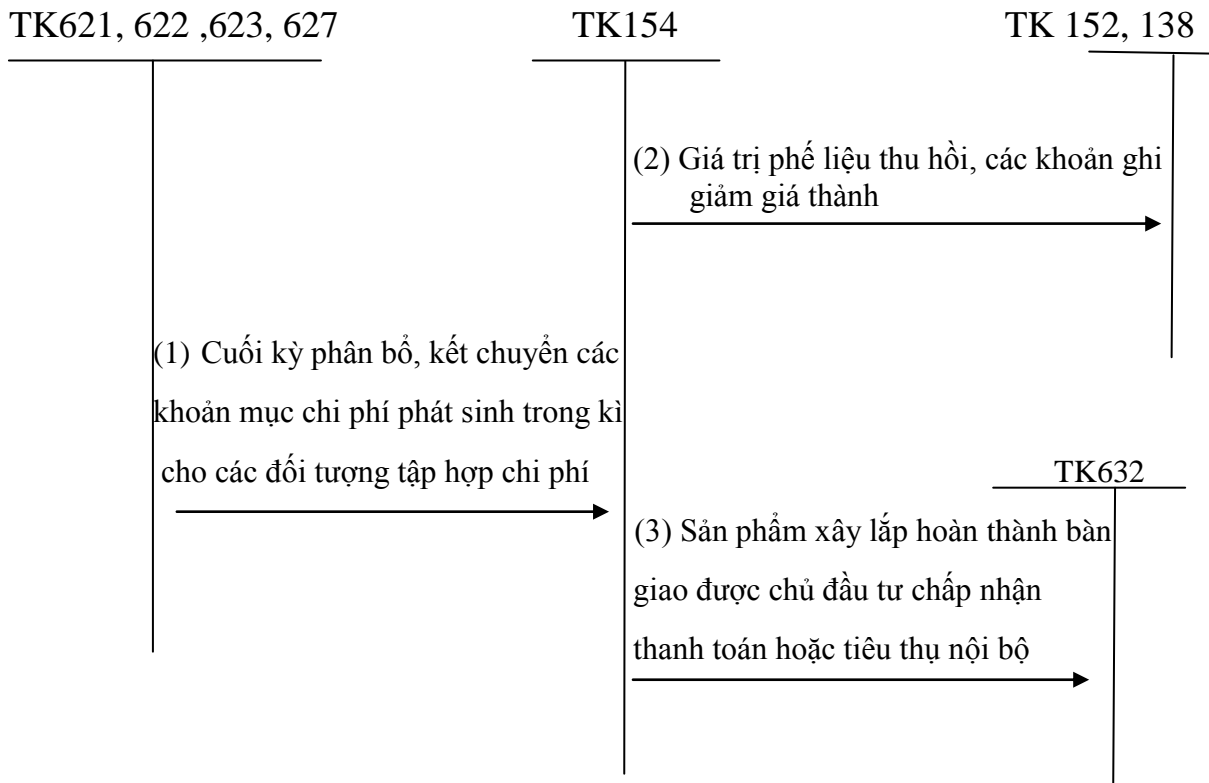
TK 154 “ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành.

- Tài khoản sử dụng:

TK154: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Quy trình hạch toán

Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp trong doanh nghiệp xây lắp thể hiện qua sơ đồ sau



Sơ đồ 1.7: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho toàn doanh nghiệp

1.3.2.Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.2.1. Ý nghĩa của việc đánh giá sản phẩm làm dở

Sản phẩm dở dang trong xây dựng có thể là công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành, khối lượng xây lắp thi công dở dang bất kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần chi phí sản xuất cho khối lượng làm dở cuối kỳ theo những nguyên tắc nhất định

Để đánh giá sản phẩm dở dang một cách chính xác trước hết cần phải kiểm kê khối lượng xây dựng hoàn toàn trong kỳ đồng thời xác định đúng đắn

mức độ hoàn thành theo quy ước ở từng giai đoạn thi công để xác định khối lượng sản phẩm dở dang, phát hiện những tổn thất trong quá trình thi công

Đặc điểm của sản phẩm xây lắp là kết cấu phức tạp, việc xác định chính xác mức độ hoàn thành của nó là rất khó khăn. Vì vậy, khi đánh giá sản phẩm làm dở kế toán cần kết hợp chặt chẽ các bộ phận kỹ thuật, bộ phận tổ chức lao động để xác định mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm dở một cách chính xác, trên cơ sở kết quả kiểm kê sản phẩm làm dở đã tổng hợp được, kế toán tiến hành đánh giá sản phẩm làm dở.

1.3.2.2. Các phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở

*** Phương pháp đánh giá sản phẩm theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương**

Phương pháp này chủ yếu áp dụng đối với việc đánh giá sản phẩm làm dở của công việc xây lắp, lắp đặt, máy móc thiết bị

Theo phương pháp này, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kì được xác định:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 = \\
 \frac{\text{Chi phí của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ dự toán} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ}}{\text{Chi phí theo dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính đối theo khối lượng hoàn thành tương đương}} \times \text{Chi phí dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}$$

*** Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán**

Theo phương pháp này, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp phát sinh trong kỳ} \\
 \hline
 \text{Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} = \frac{\quad}{\quad} \times \text{Chi phí theo dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 \text{Chi phí dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Chi phí theo dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}
 \end{array}$$

***Phương pháp đánh giá giá trị làm dở theo giá trị dự toán**

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp phát sinh trong kỳ} \\
 \hline
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} = \frac{\quad}{\quad} \times \text{Giá trị theo dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Giá trị dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}
 \end{array}$$

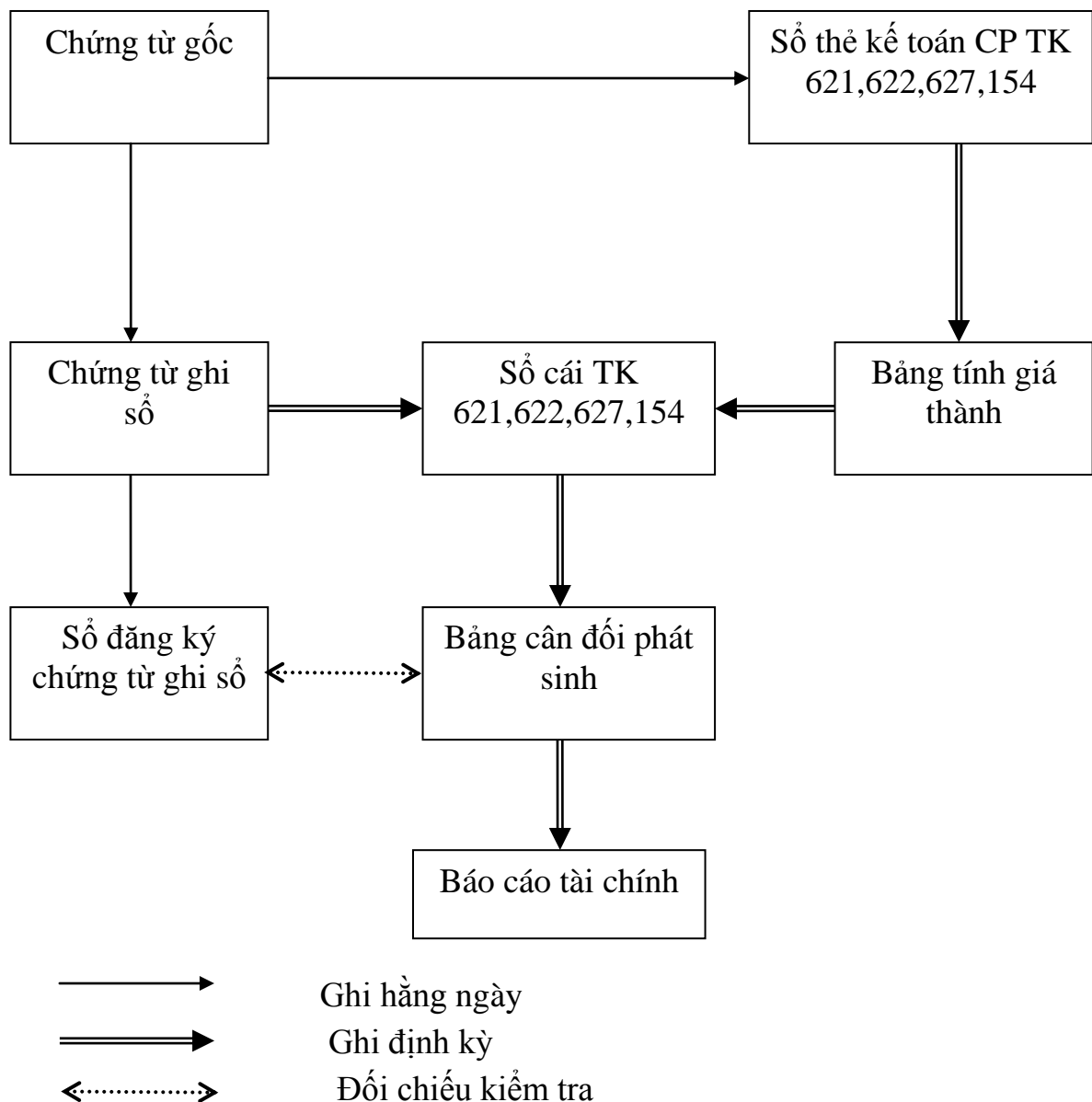
Ngoài ra, đối với một số công việc như nâng cấp, sửa chữa, hoàn thiện hoặc xây dựng các công trình có giá trị nhỏ, thời gian thi công ngắn theo hợp đồng được bên chủ đầu tư thanh toán toàn bộ sau khi hoàn thành thì giá trị sản phẩm làm dở cuối kỳ là toàn bộ chi phí thực tế từ khi thi công đến thời điểm kiểm kê, đánh giá.

1.3.3. Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức sổ kế toán

Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức “chứng từ ghi sổ” thì các nghiệp vụ kế toán phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành được phản ánh ở chứng từ gốc cùng loại, kế toán lập “chứng từ ghi sổ” được ghi vào sổ cái tài

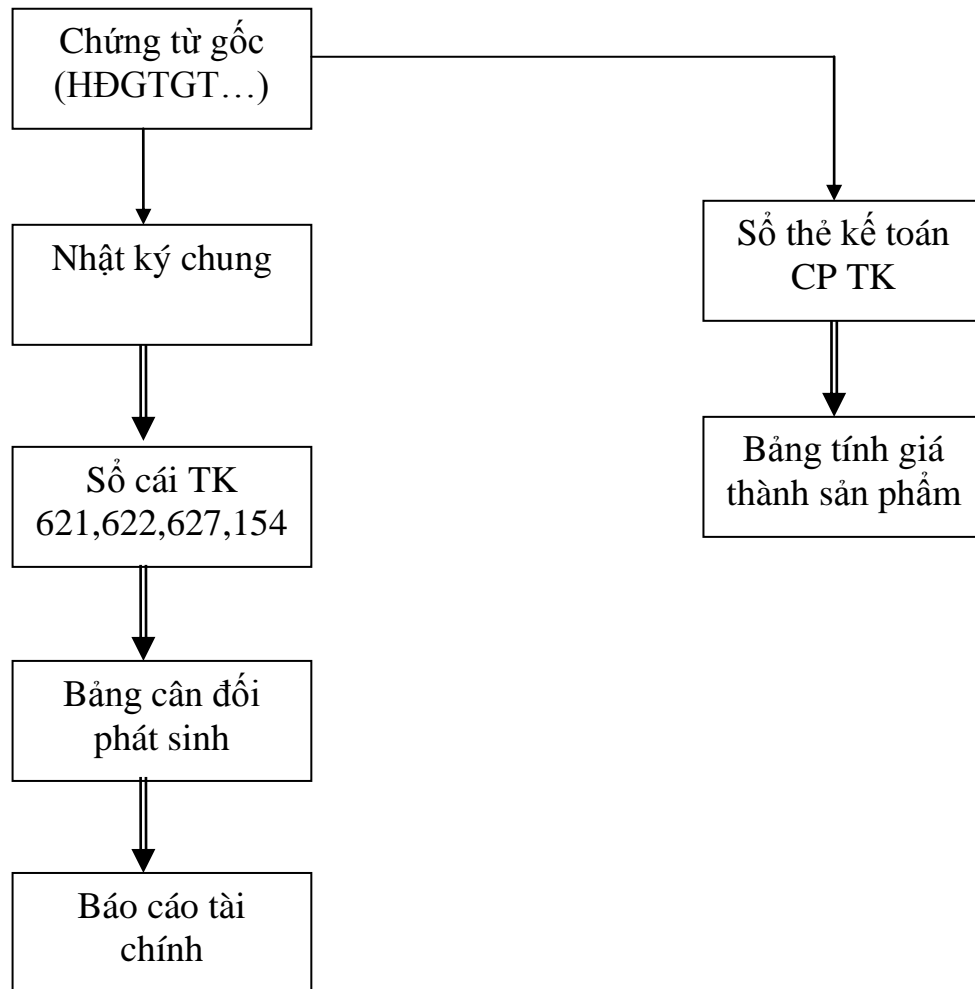
khoản (TK 621,TK 622, TK 623, TK627, TK154...) khi đã đăng ký vào “sổ đăng ký chứng từ ghi sổ”.

Để theo dõi chi tiết chi phí sản xuất theo từng khoản mục chi phí, từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kế toán sử dụng các sổ chi tiết chi phí sản xuất như sổ chi tiết TK621, TK622, TK623, TK627, TK154... (Cuối kỳ tổng hợp để đối chiếu với sổ cái...)



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức chứng từ ghi sổ

Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức “nhật ký chung” thì các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi sổ cái tài khoản(TK621, TK 622, TK623, TK627, TK154...) theo từng nghiệp vụ phát sinh.

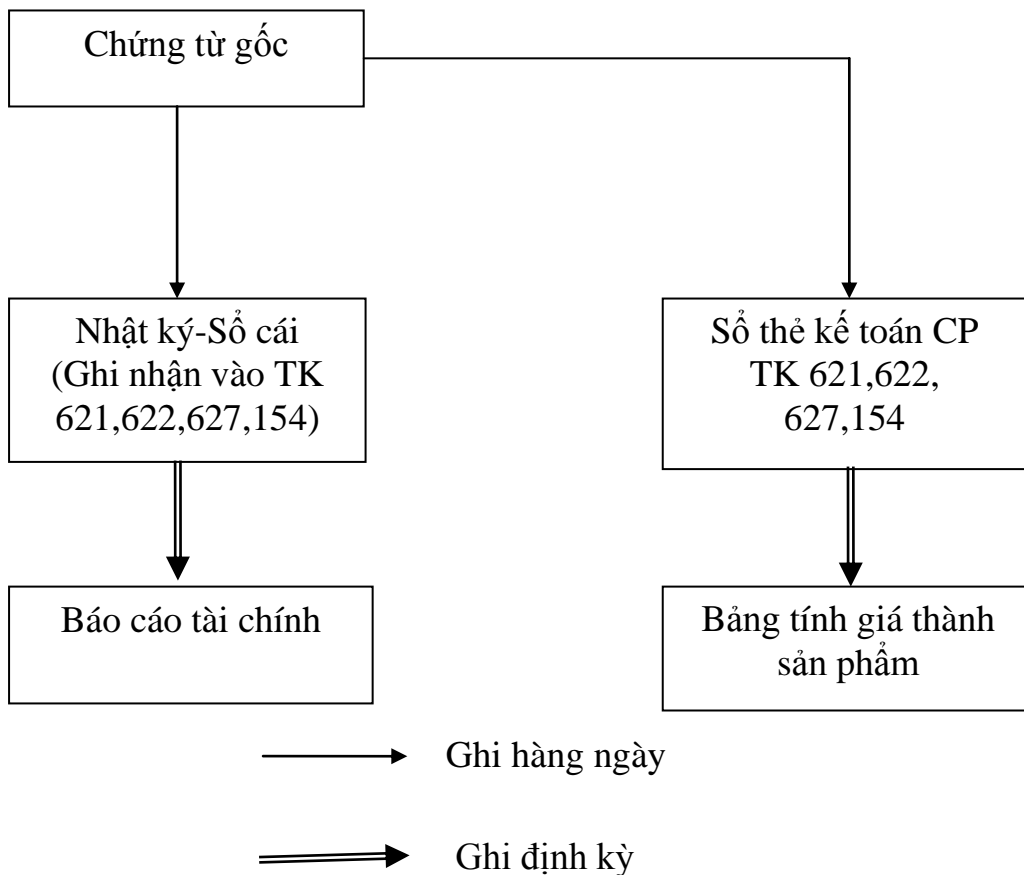


—————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi định kỳ

Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức nhật ký chung

Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức “Nhật ký – Sổ cái” thì các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ, kế

toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan (sổ chi tiết TK621, TK 622, TK 623, TK 627, TK154...)



Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức nhật ký – sổ cái

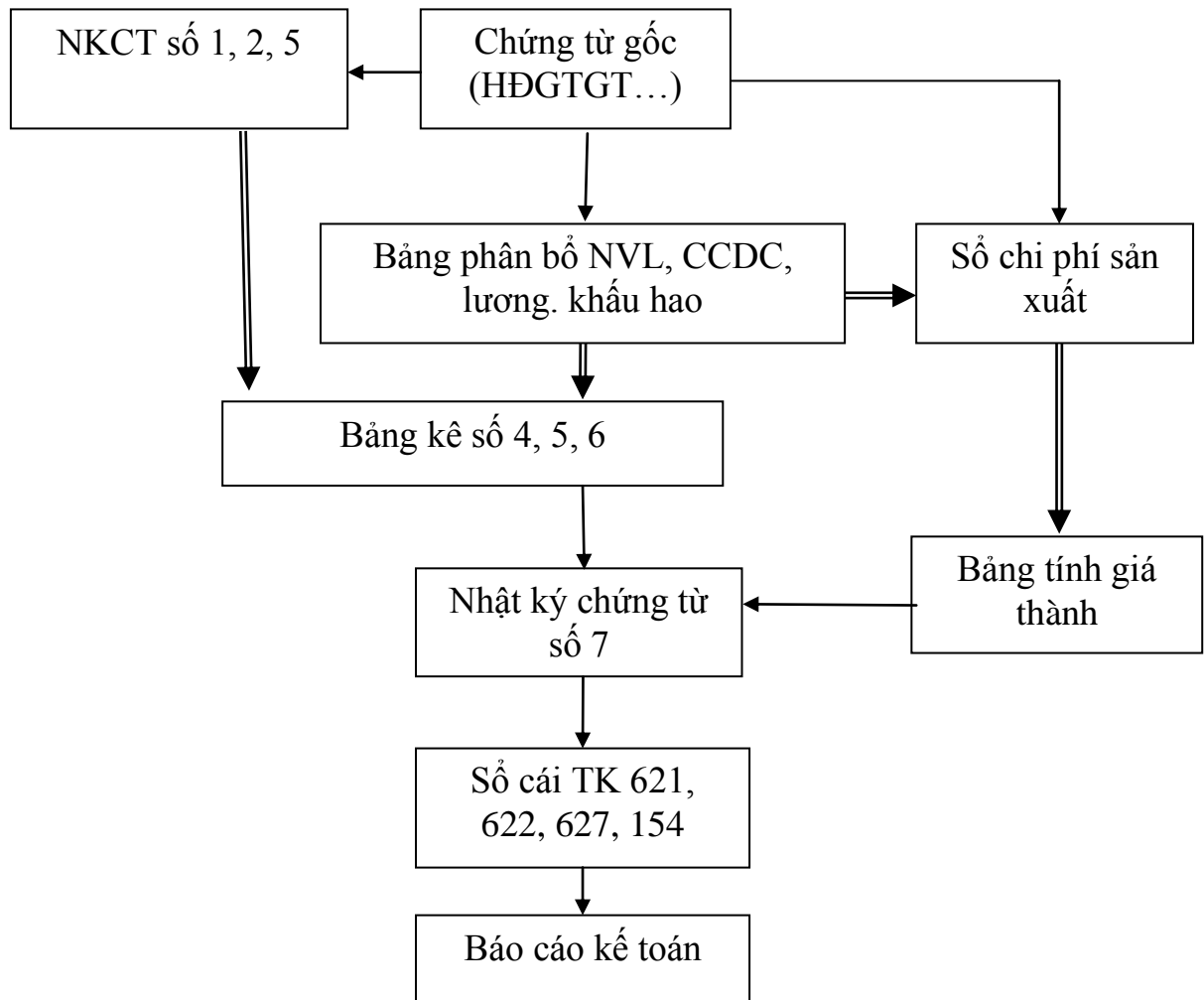
Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức “nhật ký chứng từ” thì các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào Nhật ký chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

❖ Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp vào số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ có liên quan.

❖ Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp vào sổ liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ có liên quan.

❖ Đối với các Nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký chứng từ.

- Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.



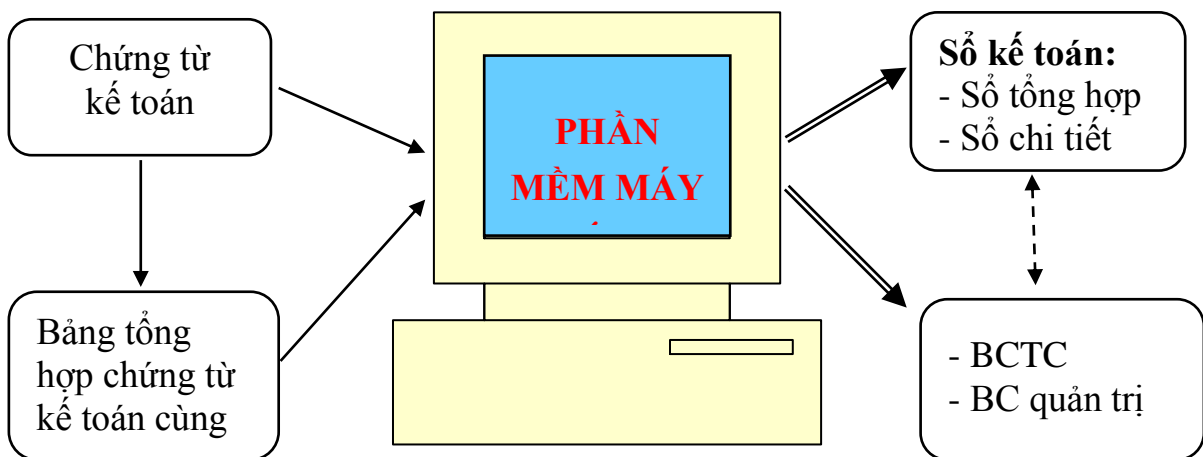
→ Ghi hàng ngày
 ==> Ghi định kỳ

Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức nhật ký – chứng từ

Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính thì công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ để ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng(hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết). kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã được in ra giấy.



Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- > Nhập số liệu hàng ngày
- <-----> Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán trên máy vi tính

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT & TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

5 – 8

2.1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

5-8

2.1.1. Khái quát về công ty TNHH một thành viên 5 – 8

Công ty TNHH một thành viên 5 – 8 là một công ty được thành lập vào năm 1996. Trụ sở chính của công ty tại số 520 Đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, Thành phố Hạ long, Tỉnh Quảng Ninh.

Trải qua gần 20 năm thành lập công ty TNHH 5 - 8 không ngừng lớn mạnh, từng bước trưởng thành về mọi mặt, thường xuyên xây dựng và kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực chỉ huy điều hành, quản lý đổi mới trang thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động. Tính đến thời điểm này công ty đã tiếp nhận và thi công hàng chục công trình với quy mô lớn, nhỏ, ở nhiều địa phương khác nhau với yêu cầu phức tạp nhưng vẫn đảm bảo tốt yêu cầu kỹ thuật, thẩm mỹ, chất lượng và tiến độ thực hiện.

2.1.1.1 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và công tác tổ chức quản lý của công ty ngoài một số đặc điểm chung của ngành xây dựng còn mang một số đặc điểm riêng như sau:

Việc tổ chức sản xuất tại công ty được khoán gọn các công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc do các đơn vị trực thuộc(các đội). Trong giá khoán gọn bao gồm tiền lương, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ thi công, chi phí chung của bộ phận khoán gọn.

Các đội trực thuộc được công ty cho phép thành lập bộ phận quản lý, được dùng lực lượng sản xuất của đơn vị hoặc có thể thuê ngoài nhưng phải đảm bảo tiến độ thi công, an toàn lao động, chất lượng. Các đơn vị phải thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản chi phí cấp trên, thuế các loại làm tròn nhiệm vụ từ khâu

đầu đến khâu cuối của quá trình sản xuất thi công. Công ty quy định mức trích nộp đối với các đội thi công tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng đội và đặc điểm của công trình, hạng mục công trình mà đơn vị thi công.

Các đội trực thuộc công ty TNHH một thành viên 5 – 8 đều chưa có tư cách pháp nhân. Vì vậy công ty phải đảm nhận mọi mối quan hệ đối ngoại với các ban ngành và cơ quan cấp trên. Giữa các đội có quan hệ mật thiết với nhau, phụ trợ, bổ sung, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình hoạt động.

2.1.1.2. Lĩnh vực cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh

- Khai thác chế biến, tiêu thụ vật liệu xây dựng.
- Bốc xúc đất đá, san lấp mặt bằng.
- Xây dựng các công trình cơ bản thuộc vốn Quốc phòng và vốn Ngân sách Nhà nước.
- Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông.

2.1.1.3. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Là công ty lâu năm trong nghề khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng công ty TNHH 5 - 8 đã có những thuận lợi:

- Địa bàn hoạt động của công ty không những chỉ ở trong thành phố mà còn được mở rộng ra vùng trọng điểm kinh tế phía bắc và các tỉnh lân cận. Thuận lợi này tạo ra những lợi thế tương đối vững chắc trong quá trình phát triển của doanh nghiệp.

Trụ sở của công ty nằm ở vị trí khá thuận lợi, nằm ngay trên Đường Nguyễn Văn Cừ, khu đô thị phát triển, vì vậy có rất nhiều thuận lợi trong việc giao dịch kinh doanh, trao đổi về thông tin kinh tế thị trường, chủ động trong việc lựa chọn.

- Công ty có được một người giám đốc có năng lực điều hành, quản lý tốt, năng động, sáng tạo. Đây cũng chính là cơ sở làm cho bộ máy công ty vận hành và phát triển vững chắc trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.
- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên môn giỏi, giàu kinh nghiệm đã tham gia nhiều công trình trên nhiều tỉnh.
- Công ty cũng thực hiện chính sách cho người lao động

Bên cạnh đó cũng gặp nhiều khó khăn:

- Do đặc thù của công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên địa bàn sản xuất kinh doanh của công ty rất lớn, hầu hết khắp các quận huyện trong thành phố và các tỉnh khác. Vì vậy cán bộ công nhân viên luôn phân tán rải rác do nhu cầu công việc làm cho việc quản lý, giám sát gặp rất nhiều khó khăn.

- Công ty TNHH 5 - 8 là một doanh nghiệp, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, nhận thầu các công trình nên khối lượng vốn bỏ ra để thực hiện công trình là rất lớn mà chỉ được ứng trước một số vốn nhất định, chỉ khi nào công trình hoàn thành và được nghiệm thu thì mới thu hồi được vốn, do đó vốn đọng lại tại các công trình là rất lớn làm cho công ty gặp rất nhiều khó khăn về vấn đề vốn để thi công.

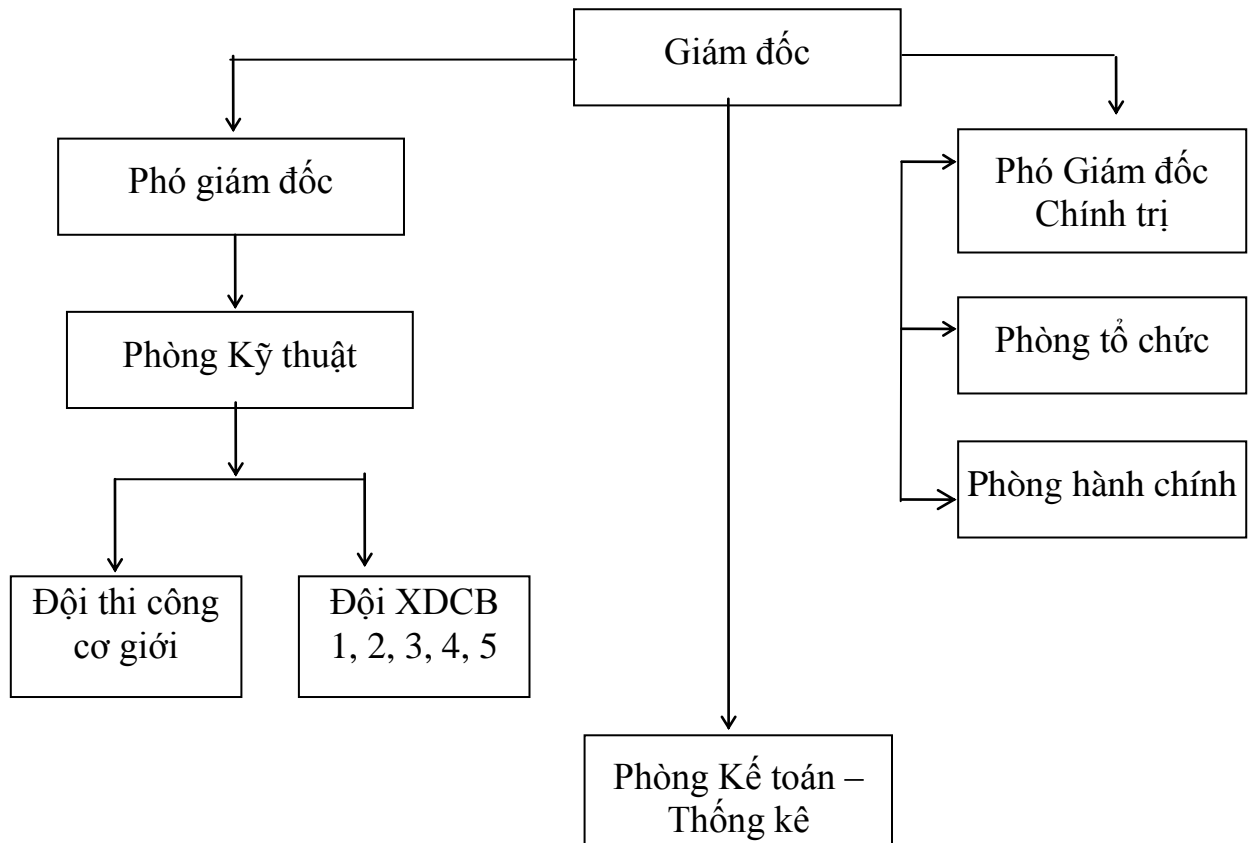
- Công ty kinh doanh trong ngành xây dựng, mà các công trình thường xây dựng trong thời gian dài, còn giá cả nguyên vật liệu đầu vào thì liên tục thay đổi hầu như đều theo chiều hướng tăng. Vì vậy khi nhận thầu thì nguyên vật liệu ở một giá mà khi thi công giá đã thay đi rất nhiều gây khó khăn cho công ty.

2.1.1.4. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty

Công tác quản lý của công ty là một khâu rất quan trọng nhằm duy trì và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, nó thực sự là cần thiết và không thể thiếu được trong bất kỳ một doanh nghiệp nào. Nó đảm bảo cho việc theo dõi, giám sát hoạt động SXKD và nâng cao chất lượng sản xuất sản phẩm trong công nghiệp.

Dưới đây là sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty.

Theo sơ đồ này thì toàn bộ hoạt động SXKD của công ty do giám đốc quản lý và điều hành, giúp việc cho giám đốc có 2 phó giám đốc và kế toán trưởng. Các đơn vị chức năng gồm có 4 phòng và 1 đội thi công cơ giới, 5 đội XD CB.



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của công ty

- Giám đốc: phụ trách chung toàn bộ Công ty, ngoài ra còn chỉ đạo trực tiếp phòng kế toán thống kê.
- Phó giám đốc kỹ thuật: Giúp giám đốc về lĩnh vực khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất, và trực tiếp phụ trách phòng kỹ thuật.
- Phó giám đốc chính trị: Giúp giám đốc về công tác chính trị tư tưởng công tác tổ chức trong Công ty, ngoài ra còn chỉ đạo trực tiếp phòng tổ chức, phòng hành chính của Công ty.
- Kế toán trưởng: Giúp giám đốc về lĩnh vực hoạt động tài chính trực tiếp chỉ đạo phòng kế toán thống kê quản lý sử dụng vốn và phản ánh theo dõi một cách chính xác tình hình hoạt động SXKD của Công ty, giúp cho giám đốc có phương án kinh doanh có hiệu quả nhất
- Phòng kỹ thuật: Giúp phó giám đốc kỹ thuật nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, đổi mới công nghệ và trực tiếp chỉ đạo các đội kỹ thuật thi công, lập kế hoạch sản xuất và xây dựng định mức tiêu hao NVL cho SXSP.
- Phòng tổ chức: Giúp phó giám đốc chính trị về công tác tổ chức và làm công

tác Đảng, công tác chính trị trong toàn xí nghiệp, công tác tiền lương.

-Phòng hành chính: Làm công tác văn phòng, bảo vệ, y tế và các dịch vụ hành chính khác.

2.1.1.5.Đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ sản xuất xây lắp tại công ty

Đặc điểm sản phẩm

- Sản phẩm chính của công ty là những công trình xây dựng, vật kiến trúc ... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài,...Do đó việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công). Quá trình sản xuất xây lắp phải so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo, đồng thời để giảm rủi ro phải mua bảo hiểm cho công trình xây lắp.

- Sản phẩm của công ty được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ.

- Sản phẩm của công ty luôn cố định tại nơi sản xuất, còn các điều kiện sản xuất (như máy móc, thiết bị thi công, người lao động ...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm.

Sản phẩm của công ty từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng thường là thời gian kéo dài. Nó phụ thuộc vào quy mô, tính phức tạp về kỹ thuật của công trình. Quá trình thi công được chia thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại chia thành nhiều công việc khác nhau, các công việc thường diễn ra ngoài trời và chịu nhiều tác động của các nhân tố thời tiết như nắng, mưa, bão, lụt...Vì vậy nên dễ mất mát, hư hỏng...

Đặc điểm quy trình công nghệ

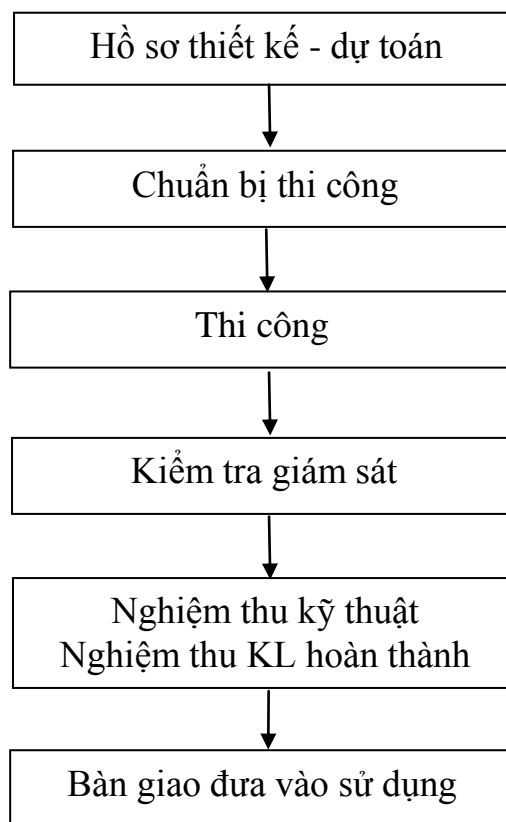
Công ty luôn ứng dụng những công nghệ mới nhất vào thi công nhằm thay thế cho sức người và năng độ an toàn cho người lao động trong quá trình thi công như công ty đã đầu tư nhiều máy móc thiết bị thi công hiện đại như:

- Máy ủi
- Máy xúc
- Máy bơm bê tông

- Máy bơm nước
- Cầu cầu tháo chạy trên ray
- Phương tiện vận tải gồm :
- Ôtô vận tải 10 chiếc
- Máy lu bánh thép của nhật 5 chiếc
- Ôtô tải Huyundai của hàn quốc 7 chiếc.

Căn cứ vào nhiệm vụ và tình hình thực tế thị trường, công ty hoạt động SXKD chủ yếu là XDCCB và vận tải, bốc xúc đất đá.

Dưới đây là quy trình công nghệ xây dựng cơ bản của công ty



Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ XDCCB

Hồ sơ thiết kế dự toán đã được phê duyệt có thể là hồ sơ chỉ định thầu hoặc hồ sơ tham gia đấu thầu đã trúng thầu và được cấp có thẩm quyền phê chuẩn.

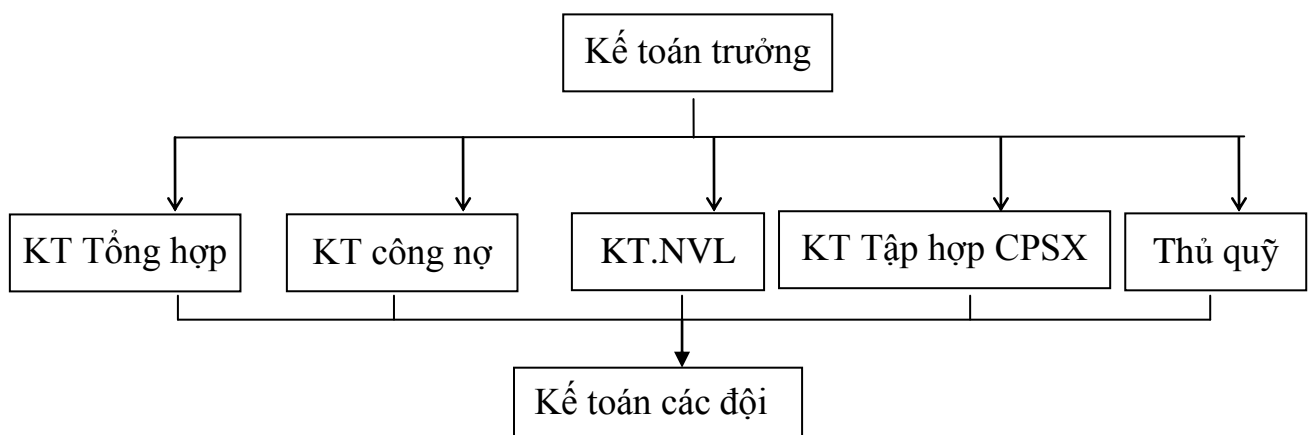
- Chuẩn bị thi công: Tiến hành các công việc cần thiết như: làm lán trại cho công nhân, tập kết vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho thi công...
- Thi công: tiến hành thi công theo thiết kế, đảm bảo đúng kỹ thuật, tiến độ, chất lượng và các quy trình quy phạm trong XDCCB.

- Kiểm tra giám sát: Đây là khâu quan trọng để giúp cho công trình thi công đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật.
- Nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành: Kỹ thuật A & B tiến hành nghiệm thu đánh giá công trình theo khối lượng hoàn thành từng giai đoạn theo yêu cầu kỹ thuật đề ra và lập biên bản làm nghiệm thu cơ sở cho việc tiến hành nghiệm thu, bàn giao công trình đã hoàn thành quyết toán công trình đưa vào sử dụng.
- Bàn giao công trình đưa vào sử dụng: Giữa A & B tiến hành kiểm tra rà soát lại lần cuối xem công trình hoàn thành đạt yêu cầu chưa, cần bổ sung cho hoàn thiện hay không, nếu cả hai bên đã nhất trí thì tổ chức bàn giao đưa vào sử dụng.

2.1.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

- **Tổ chức bộ máy kế toán ở Công ty 5/8**

Bộ máy kế toán của công ty TNHH 5 - 8 được tổ chức theo mô hình tập trung, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được tập trung ở phòng kế toán công ty. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra, thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty, từ đó tham mưu cho ban giám đốc để đề ra biện pháp, các quyết định phù hợp với đường lối phát triển của công ty.



Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán của công ty TNHH 5 - 8

Theo hình thức tổ chức này toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập chung tại phòng kế toán của công ty, ở các đội sản xuất có nhiệm vụ hướng dẫn thực hiện hạch toán ban đầu, thu thập kiểm tra chứng từ định kỳ để gửi chứng từ về phòng kế toán Công ty hạch toán. Nhiệm vụ của từng nhân viên kế toán:

- Kế toán trưởng phụ trách chung: có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán của nhà máy, đảm bảo bộ máy kế toán gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Kế toán trưởng tổ ban chức và kiểm tra thực hiện chế độ ghi chép ban đầu, chấp hành chế độ ghi chép ban đầu, chấp hành chế độ báo cáo định kỳ, tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán theo chế độ lưu trữ, đúc rút kinh nghiệm, vận dụng sáng tạo, cải tiến hình thức và phương pháp kế toán sao cho ngày càng hợp lý, chặt chẽ phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ thống kê tổng hợp các tài liệu của các thành viên kế toán khác đồng thời theo dõi TSCĐ.

- Kế toán NVL: Theo dõi nhập xuất NVL vào đối tượng sử dụng và kế toán tiền lương của Công ty

- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất: Có nhiệm vụ tập hợp chi phí sản xuất của toàn Công ty.

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ quản lý và thu chi tiền mặt

- Kế toán các đội: Tập hợp hóa đơn chứng từ, tổng hợp chi phí tính giá thành và báo cáo về Công ty.

2.1.3 Vận dụng chế độ kế toán hiện hành tại công ty

Chế độ chứng từ:

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của BTC

Chế độ tài khoản:

Hệ thống tài khoản công ty đang áp dụng được ban hành theo quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của BTC.

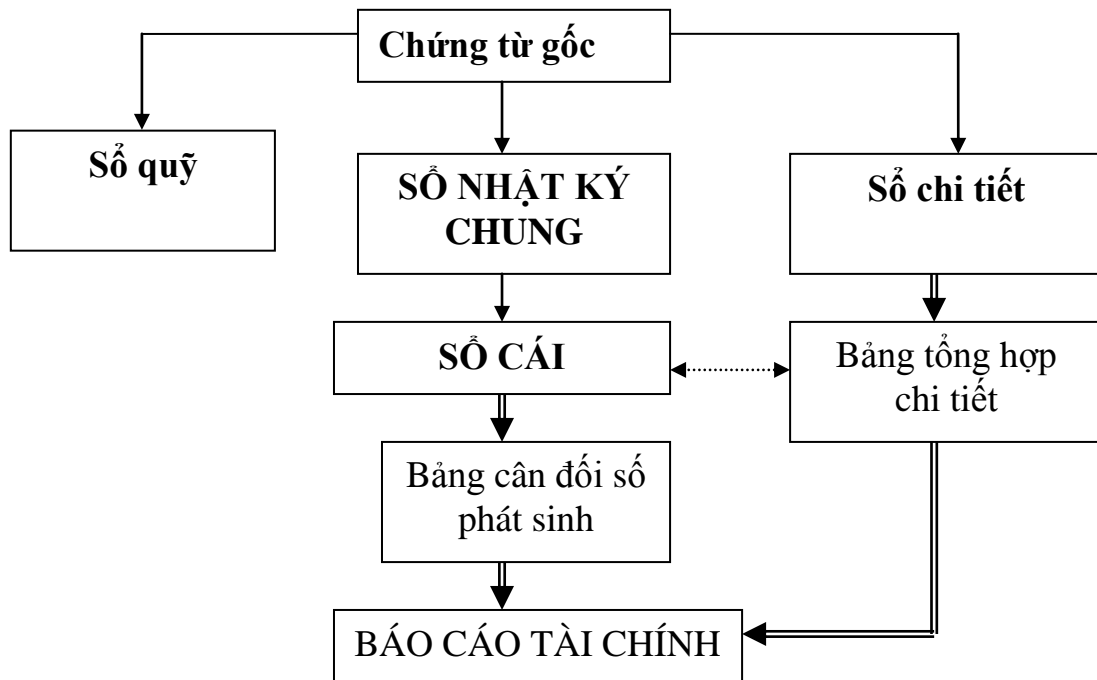
Chế độ sổ sách:

Để phù hợp với sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, hiện nay công ty đang áp dụng hình thức nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung của công ty TNHH một thành viên 5 - 8



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH 5 - 8

Ghi chú :

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Công ty áp dụng kỳ kế toán là 12 tháng: tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép kế toán. Đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hệ thống báo cáo tài chính

- ❖ Bảng cân đối kế toán
- ❖ Bảng cân đối số phát sinh
- ❖ Thuyết minh báo cáo tài chính
- ❖ Báo cáo kết quả kinh doanh

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT & TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 5 – 8**2.2.1. Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất***Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất*

Do đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là khoán gọn các công trình, hạng mục công trình cho các đội nên tất cả các chi phí phát sinh đến một công trình, hạng mục công trình đều thông qua tài khoản 141. Khi đội trưởng gửi các hóa đơn chứng từ gốc kèm bảng kê thanh toán hóa đơn GTGT hoặc bảng tổng hợp thanh toán thực chất là bảng tổng hợp tất cả các hóa đơn GTGT, các chứng từ phát sinh liên quan đến quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành của một công trình hay hạng mục công trình. Sau khi được kế toán trưởng, giám đốc phê duyệt thì kế toán thanh toán nhập chứng từ đầu vào.

Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất tại công ty

Cũng như hầu hết các Công ty xây lắp khác trong ngành, Công ty TNHH một thành viên 5 – 8 luôn coi trọng đúng mực việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xuất phát từ đặc điểm ngành xây dựng, từ đặc thù của sản phẩm xây dựng và để đáp ứng tốt yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... Công ty đã xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình nhận thầu, từng đơn vị đặt hàng riêng biệt

Sau nhiều năm thành lập và phát triển, công ty đã tham gia thi công rất nhiều các công trình như:

- Xây dựng thao trường Tỉnh đội
- Kè Bỉ lao – Cốc Lý
- Nhà KTM Quảng Đức
- Khuôn viên + công viên trường Trần Phú

- Trụ sở võ trạm di động VT xã Hải Sơn
- Trụ sở UBND Quảng Lâm
- Trường tiểu học Hải Hòa
- Trường Ninh Dương
- Trường Hải Xuân I
- Nhà khách Tỉnh đội

.....

Mỗi công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành đều được mở sổ chi tiết để theo dõi tập hợp các khoản mục chi phí.

- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Cuối mỗi tháng căn cứ vào các chứng từ gốc chi phí sản xuất của tất cả các công trình hạng mục công trình trong tháng kế toán nhập dữ liệu để theo dõi chi phí sản xuất riêng cho từng công trình.

Do phạm vi hoạt động của công ty rộng, thi công nhiều công trình, hạng mục công trình nên trong khuôn khổ đề tài này em xin lấy số liệu của công trình Đường ra núi Tổ chim – Hòn Dơi (GĐ2) để minh họa. Công trình được thực hiện theo phương thức khoán gọn, do đội chịu trách nhiệm thi công, chủ công trình là ông Nguyễn Hữu Lưu . Thời gian thi công giai đoạn 2 từ 01/08/2010 đến ngày 31/12/2010. Sau khi nhận khoán công ty có trách nhiệm về toàn bộ chi phí phát sinh.

2.2.1.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Cũng như các doanh nghiệp xây lắp khác nguyên vật liệu trực tiếp trong sản xuất của Công ty gồm nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ dùng trực tiếp để sản xuất sản phẩm
- Chi phí nguyên vật liệu chính bao gồm dây cáp, xà sừ, bê tông, cốt thép... Các chi phí nguyên vật liệu chính thường được xây dựng định mức chi phí và cũng tiến hành quản lý theo định mức.

- Chi phí vật liệu phụ bao gồm chi phí về bu lông, ốc vít...
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp(khoảng 70%) nên việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu, quản lý nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu được rõ tầm quan trọng đó, Công ty luôn trú trọng tới việc hạch toán, quản lý nguyên vật liệu từ khâu thu mua, vận chuyển cho tới khi xuất dùng và cả trong quá trình sản xuất thi công ở công trường.
- Công ty phải mua hầu hết các loại vật liệu đó theo giá thị trường. Đây là điều tất yếu trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Song nó đã gây khó khăn cho công tác hạch toán vật liệu vì công trình xây dựng thường có thời gian thi công dài nên chịu ảnh hưởng lớn từ sự biến động cung cầu trên thị trường. Hiện nay công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp. Để đáp ứng khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công ty sử dụng TK621- CPNVLTT . Giá trị vật tư nhập, xuất, tồn kho được đánh giá theo giá thực tế. Chi phí nguyên vật liệu phát sinh cho đối tượng nào thì được hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó theo giá thực tế đích danh.
- NVL trong kho của Công ty rất ít chủng loại và chiếm tỷ trọng thấp. Công ty không tiến hành nhập kho NVL rồi xuất kho NVL khi cần thiết mà chỉ dự trữ một lượng nhỏ. Tùy thuộc vào từng công trình cụ thể mà doanh nghiệp mua nguyên vật liệu sử dụng cho công trình đó ngay tại nơi diễn ra công trình. Do đó nguyên vật liệu mua ngoài sử dụng ngay không qua kho chiếm tỷ trọng lớn.
- Khi các đơn vị thi công công trình có nhu cầu mua vật tư sử dụng cho thi công thì phải gửi hợp đồng mua vật tư, dự toán công trình, kế hoạch cung cấp vật tư của quý hoặc tháng về ban lãnh đạo công ty, giám đốc công ty sẽ xem xét tính hợp lý, hợp lệ của các tài liệu đó rồi thông qua quyết định mua vật tư. Nếu được sự phê duyệt của thủ quỹ xuất quỹ tạm ứng cho các đội đi mua vật tư. Tuy nhiên giá mua vật tư đều phải qua công ty phê duyệt. Vật tư mua ngoài chủ yếu được chuyển thẳng tới công trường thi công và thuộc trách nhiệm quản lý của đội trưởng và chủ nhiệm công trường thi công.

Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại xí nghiệp

Chi phí này được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí, cụ thể là từng công trình, hạng mục công trình. Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán xí nghiệp căn cứ vào các chứng từ sau:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn thông thường

Mẫu số 2.1: Phiếu xuất kho

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Mẫu số 01-VT

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long_ Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 08 năm 2010

Số: 000086

Nợ :621.....

Có:152.....

Họ và tên nhận hàng : **Trịnh Hải Bình** Bộ phận:.....

Lý do xuất kho: **xuất kho thi công CT Đường ra Núi Tổ Chim – Hòn Dơi**

Nhập tại kho:

Địa điểm: **Phường Bãi Cháy- Hạ Long**

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất VT, DC, SP, HH	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	1	2	3	4
1	Đinh	kg	20	20		
2	Thép buôc	kg	3910	3910		
3	Que hàn	kg	1254	1254		
4	Thép bản mã	kg	321.5	321.5		
5	Thép hình các loại	kg	6044,56	6044,56		
6	Gỗ ván	M ³	45	45		
	Cộng	x	x	x	x	x

Tổng số tiền(Viết bằng chữ):

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Kế toán căn cứ vào các chứng từ ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.1), sổ cái TK621 (Biểu số 2.2), sổ chi tiết tài khoản 621 (Biểu số 2.3)

Công ty mua bê tông đúc sẵn đưa vào sản xuất.

Mẫu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0058654

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

QE/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0058654

Ngày 05 tháng 08 năm 2010

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY TNHH Thịnh Hưng
Địa chỉ:.....	220- Lê Thánh Tông-Hạ Long- Quảng Ninh
Số tài khoản:.....	MST:5700254291
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng: Hoàng Văn Cường

Tên đơn vị: Công ty TNHH 5 – 8

Địa chỉ: Số 520 Hồng Hải – Hạ Long – Quảng Ninh

Số tài khoản: **8000.211.010.074**

Hình thức thanh toán: CK MS: 5700491320-005

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Bê tông M300#	M ³	1080	720 000	377 600 000
Cộng tiền hàng:					377 600 000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					37 760 000
Tổng cộng thanh toán:					415 360 000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Bốn trăm mười năm triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

Dựa vào hóa đơn GTGT để lập phiếu chi

Mẫu số 2.3: Phiếu chi số 621

PHIẾU CHI

Quyển số: 6

Ngày 06 tháng 08 năm 2010

Số: 621

Nợ TK 621 : 377 600 000

Nợ TK133 : 37 760 000

Có 1121 : 415 360 000

Họ tên người nhận tiền: NGUYỄN THANH HÀ

Địa chỉ: Công ty TNHH 1 Thành viên 5 - 8

Lý do chi: *Chi mua bê tông M300 # CT Đường ra núi Tổ Chim – Hòn Dơi*

Số tiền: **415 360 000 VND**

(Viết bằng chữ) *Bốn trăm mười năm triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*

Kèm theo: Chứng từ gốc: 01

Ngày 06 tháng 08 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty

Kế toán các chi nhánh nộp hóa đơn, chứng từ và sổ sách kế toán về Công ty, kế toán công ty sẽ tập hợp chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình của từng xí nghiệp.

Từ HĐGTGT(Mẫu số 2.2), phiếu chi (Mẫu số 2.3), kế toán vào sổ nhật kí chung (Biểu số 2.1)

Biểu số 2.1: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**
 Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010 (trích)

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
06/08/2010	PC621	06/08/2010	Mua bê tông phục vụ sản xuất	621	355 360 000	
06/08/2010	PC621	06/08/2010	Thuế GTGT đầu vào bê tông	133	37 760 000	
06/08/2010	PC621	06/08/2010	Mua bê tông phục vụ sản xuất	1121		415 360 000
07/08/2010	GBN32	07/08/2010	Thép bản mã	621	28 247 684	
07/08/2010	GBN32	07/08/2010	Thép bản mã	1121		28 247 684
					
20/10/2010	PC 1095	20/10/2010	Chi phí bảo dưỡng máy CT: Đường ra Núi Tổ Chim – Hòn Dơi	623	900.000	
20/10/2010	PC 1095	20/10/2010	Thuế GTGT đầu vào bê tông	133	90.000	

20/10/2010	PC 1095	20/10/2010	Chi phí bảo dưỡng máy CT: Đường ra Núi Tổ Chim – Hòn Dơi	1111		990.000
25/10/2010	PKT 1184	25/10/2010	Chi phí nhân công CT: Đường ra Núi Tổ Chim – Hòn Dơi	622	14.155.980	
25/10/2010	PKT 1184	25/10/2010	Thuế GTGT đầu vào của nhân công	133	1.415.598	
25/10/2010	PKT 1184	25/10/2010	Phải trả tiền nhân công	331		15.571.578
					
31/12/2010	PKT 2011	31/12/2010	KC CP NVLTT sang CPSX KD DD	154	2.150.845.638	
31/12/2010	PKT 2011	31/12/2010	KC CP NVLTT sang CPSX KD DD	621		2.150.845.638
31/12/2010	PKT 2012	31/12/2010	KC CP nhân công sang CPSX KDDD	154	352.807.139	
31/12/2010	PKT 2012	31/12/2010	KC CP nhân công sang CPSX KDDD	622		352.807.139
31/12/2010	PKT 2013	31/12/2010	KC CP máy sang CPSX KD DD	154	105.842.141	
31/12/2010	PKT 2013	31/12/2010	KC CP máy sang CPSX KD DD	623		105.842.141
31/12/2010	PKT 2014	31/12/2010	KC CP chung sang CPSX KD DD	154	7.000.000	
31/12/2010	PKT 2014	31/12/2010	KC CP chung sang CPSX KD DD	627		7.000.000
31/12/2010	PKT 2015	31/12/2010	KC CP chung sang CPSX KD DD	154	301.752.360	
31/12/2010	PKT 2015	31/12/2010	KC CP chung sang CPSX KD DD	627		301.752.360
31/12/2010	PKT 2016	31/12/2010	KC CP tính giá thành CT Đường ra Núi Tổ Chim - Hòn Dơi	632	2.918.247.278	
31/12/2010	PKT 2016	31/12/2010	KC CP chung sang CPSX KD DD	154		2.918.247.278
					
			Cộng phát sinh		<u>1786 825 566 640</u>	<u>1786 825 566 640</u>

Từ sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.1*) kế toán vào sổ cái tài khoản 621 (*Biểu số 2.2*)

Biểu số 2.2: Sổ cái TK621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010 (Trích)

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số lũy kế đầu kỳ		432.090.756.987	432.090.756.987
01/08/2010	HĐGTG T0058654	01/08/2010	Chi phí bê tông	1121	355 360 000	
					
01/10/2010	PKT1091	01/10/2010	Chi phí bê tông	331	24.314.286	
02/10/2010	XK549	02/10/2010	Gỗ ván	152	67 500 000	
02/10/2010	XK550	02/10/2010	Que hàn	152	19 190.402	
03/10/2010	XK551	03/10/2010	Thép bản mã	152	4.654.142	
04/10/2010	XK552	04/10/2010	Đinh	152	265.800	
04/10/2010	XK553	04/10/2010	Thép buộc	152	51.021.313	
04/10/2010	XK554	04/10/2010	Thép hình các loại	152	69.625.280	

05/10/2010	XK555	05/10/2010	Thép phi 10	152	836 028.060	
06/10/2010	XK556	06/10/2010	Thép phi 12	152	14.113.612	
07/10/2010	XK557	07/10/2010	Thép phi 14	152	84.472.500	
07/10/2010	XK558	07/10/2010	Thép phi 16	152	25.625.190	
08/10/2010	XK559	08/10/2010	Thép phi 18	152	55.462.208	
09/10/2010	XK560	09/10/2010	Thép phi 20	152	104.718.340	
09/10/2010	XK561	09/10/2010	Thép phi 22	152	275 128 137	
10/10/2010	XK562	10/10/2010	Thép phi 25	152	653 988 919	
11/10/2010	XK563	11/10/2010	Thép phi 28	152	386 154 878	
31/10/2010	XK571	31/10/2010	Xi măng	152	21 128 000	
					
31/12/2010	XK645	31/12/2010	Kết chuyển CPNVLTT sang CP SXKD DD sang xí nghiệp 5/8	154		2.150.845.638
31/12/2010	XK645	31/12/2010	Kết chuyển CPNVLTT sang CP SXKD DD sang xí nghiệp 17/5	154		7.687.298.134
31/12/2010	XK645	31/12/2010	Kết chuyển CPNVLTT sang CP SXKD DD sang xí nghiệp 18/4	154		5.762.090.873
31/12/2010	XK645	31/12/2010	Kết chuyển CPNVLTT sang CP SXKD DD sang xí nghiệp 30/4	154		9.456.268.443
			Cộng SPS		45.342.672.865	45.342.672.865
			Số lũy kế cuối kỳ		477.433.429.852	477.433.429.852

Từ chứng từ gốc (HDGTG, phiếu xuất kho) kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 621 (Biểu số 2.3)

Biểu số 2.3: Sổ chi tiết tài khoản 621 - chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Năm 2010 (Trích)

Đối tượng: Đường ra Núi Tổ chim – Hòn Dơi (GD2)

Ngày, tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
01/08/2010	PKT1091	01/08/2010	Chi phí bê tông	331	24.314.286			
02/08/2010	XK549	02/08/2010	Gỗ ván	152	67 500 000			
02/08/2010	XK550	02/08/2010	Que hàn	152	19 190.402			
03/08/2010	XK551	03/08/2010	Thép bản mã	152	4.654.142			
04/08/2010	XK552	04/08/2010	Đinh	152	265.800			
04/08/2010	XK553	04/08/2010	Thép buộc	152	51.021.313			
04/08/2010	XK554	04/08/2010	Thép hình các loại	152	69.625.280			
							
05/09/2010	XK555	05/09/2010	Thép phi 10	152	36 028.060			
06/09/2010	XK556	06/09/2010	Thép phi 12	152	14.113.612			

Trường đại học dân lập Hải Phòng

Khóa luận tốt nghiệp

07/09/2010	XK557	07/09/2010	Thép phi 14	152	84.472.500			
07/09/2010	XK558	07/09/2010	Thép phi 16	152	25.625.190			
							
08/10/2010	XK559	08/10/2010	Thép phi 18	152	55.462.208			
09/10/2010	XK560	09/10/2010	Thép phi 20	152	14.718.340			
09/10/2010	XK561	09/10/2010	Thép phi 22	152	75 128 137			
10/10/2010	XK562	10/10/2010	Thép phi 25	152	63 988 919			
11/10/2010	XK563	11/10/2010	Thép phi 28	152	86 154 878			
11/10/2010	XK564	11/10/2010	Thép phi 32	152	93.933.617			
31/11/2010	XK565	31/11/2010	Thép phi 6	152	3.414.711			
31/11/2010	XK567	31/11/2010	Thép phi 8	152	73 152 188			
							
31/12/2010	PKT1128	31/12/2010	K/C CPNVLTT sang CP SXKD DD	154		2.150.845.638		
			Số phát sinh			2.150.845.638	2.150.845.638	
			Số dư cuối kì					

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Khoản mục chi phí NCTT ở công ty TNHH 5 – 8 chiếm khá lớn trong giá thành các công trình (khoảng 20%) và hơn nữa có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động cũng như nghĩa vụ của đơn vị đối với người lao động do đơn vị quản lý sử dụng lao động. Do vậy hạch toán đúng đủ chi phí nhân công trực tiếp không chỉ góp phần vào việc tính toán hợp lý, chính xác giá thành công trình mà còn giúp thanh toán chi trả tiền lương, tiền công kịp thời, khuyến khích , động viên người lao động.

Để phản ánh khoản mục chi phí NCTT, kế toán sử dụng TK622 – CPNCTT.

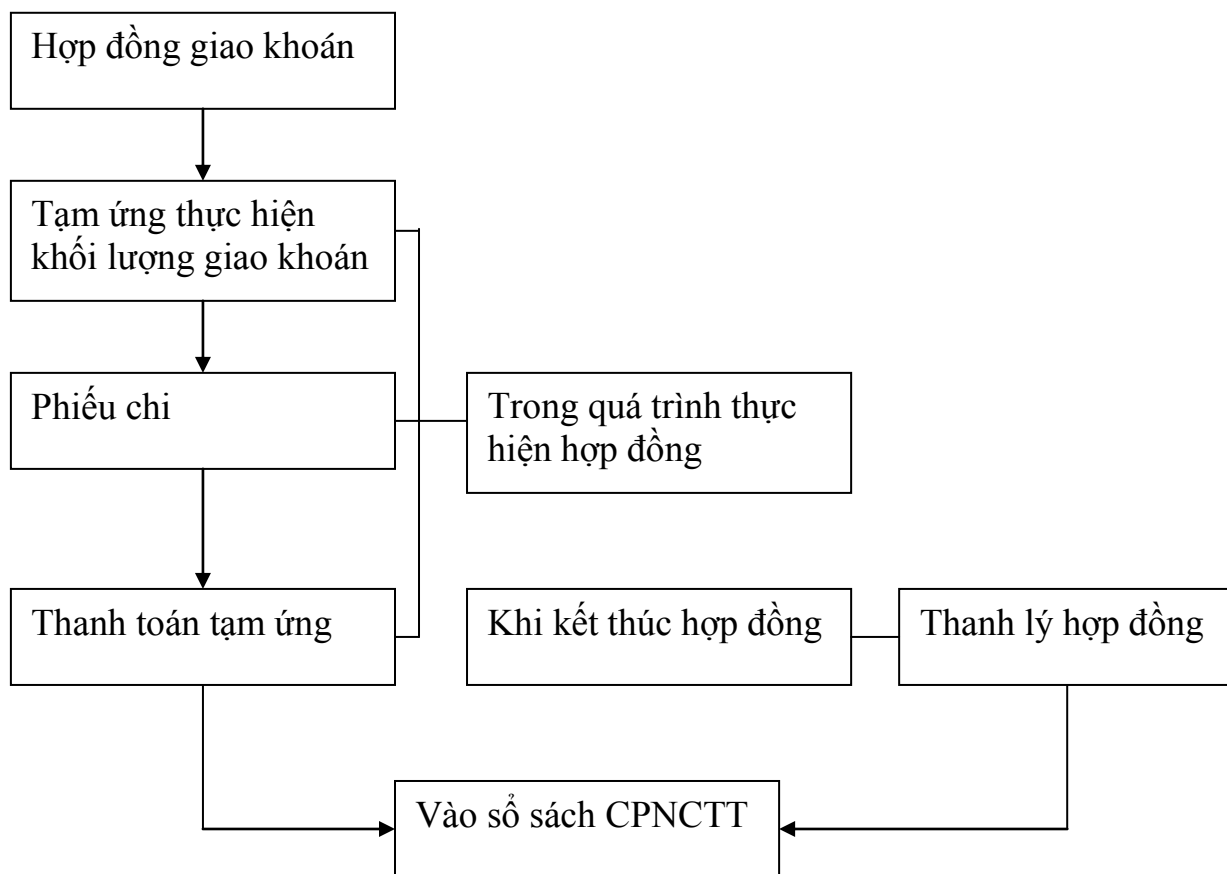
Tiền lương, phụ cấp, các khoản trích trên lương của công nhân trực tiếp sản xuất được tính vào khoản mục chi phí nhân công trực tiếp. Lực lượng công nhân trực tiếp thi công công trình có thể là công nhân của xí nghiệp, đội nằm trong biên chế của công ty và được đóng BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

Ngoài ra, các đơn vị thi công có thể thuê lao động thời vụ bên ngoài theo giá nhân công trên thị trường và không trích các khoản BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN cho lực lượng lao động này.

Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tại các xí nghiệp

Có hai hình thức sử dụng nhân công tại các xí nghiệp, một là sử dụng đội ngũ nhân công của Công ty, hai là sử dụng nhân công thuê ngoài.

- Đối với nhân công thuộc sự quản lý của Công ty: đội ngũ này được tổ chức thành các đội, tổ thợ và có người đứng đầu (tổ trưởng) chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức và kí hợp đồng kinh tế với các xí nghiệp. Khi các xí nghiệp có nhu cầu sử dụng, các xí nghiệp sẽ ký hợp đồng kinh tế với tổ thợ, hợp đồng sẽ ghi rõ đơn giá, khối lượng và thời gian thi công. Khi đó quy trình tập hợp chi phí được thực hiện theo sơ đồ sau:



Trích số liệu tháng 8 năm 2010, công ty ký hợp đồng công nhân như sau:

Mẫu số 2.4: Hợp đồng giao khoán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2010

HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN

PHẦN NHÂN CÔNG: GIA CÔNG LẮP DỰNG CỐT THÉP

Số :245/2010/HĐNC

Công trình: Đường ra núi Tổ Chim – Hòn Dơi

Hạng mục: Tuyến đường Quốc lộ 5

Địa điểm xây dựng: Phường Bãi Cháy – TP Hạ Long - Quảng Ninh

I.CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật xây dựng số 16 / 2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4.

- Căn cứ Nghị định số 16 / 2003/NĐ – CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về

quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT- BXD ngày 25/02/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng và văn bản số 2508/BXD – VP của Bộ Xây Dựng ngày 26/11/2007 về việc công bố mẫu hợp đồng xây dựng

Hôm nay, ngày 10 tháng 08 năm 2010

Tại: Công ty TNHH một thành viên 5 – 8

Địa chỉ: Số 520 Nguyễn Văn Cừ - Hạ Long – Quảng Ninh

Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên giao công tác thi công):

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên 5 – 8

Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Lưu Chức vụ : Giám đốc xí nghiệp 5 –8

Thực hiện hợp đồng: ông Nguyễn Xuân Anh Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Địa chỉ: Số 520 Nguyễn Văn Cừ - Hạ Long – Quảng Ninh

Điện thoại : 0333 835774

Tài khoản: 8000.211.010.074

Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp & PT nông thôn Tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700491320-005

Bên B(Bên nhận thi công):

Tên tổ xây dựng: Tổ thi công thép

Đại diện: Ông Hoàng Văn Mai Chức vụ: Đội trưởng đội thợ

Nguyên Quán: Vân Đồn – Quảng Ninh

Số CMND: 100 966 313

Hai bên thống nhất thỏa thuận lập hợp đồng nội dung như sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng: Thi công gia công lắp dựng cốt thép cầu đường.

1.Tên công trình xây dựng: Đường ra núi Tổ Chim – Hòn Dơi (GD2)

Hạng mục: Tuyến đường Quốc lộ 5

- Địa điểm xây dựng: P. Bãi Cháy – TP. Hạ Long - Quảng Ninh

2.Tiêu chuẩn kỹ thuật: Đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật theo bản vẽ thiết kế được phê duyệt.

- Đặc điểm kiến trúc: Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt

- Đặc điểm kết cấu: Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt
- Các công tác thi công chính; Gia công lắp dựng thép
- Thời gian thi công:
- *Bắt đầu*: Ngày 15 tháng 08 năm 2010
- *Kết thúc*: Ngày 15 tháng 09 năm 2010

Điều 2: Khối lượng, giá trị hợp đồng (tạm tính)

STT	Nội dung công việc	ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
1	Khối lượng các việc tính theo tấn	Tấn	1150	750 000	862 500 000
2	Gia công lắp dựng ống D48,1	m	8641,8	2500	21 604 500
3	Gia công lắp dựng ống D113,5	m	335,1	3000	1 065 300
	Tổng cộng				885 169 800

(Bảng chữ: *Tám trăm tám mươi năm triệu, một trăm sáu chín nghìn, tám trăm đồng chẵn*)

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Hữu Lưu

Văn Mai

Sau khi hợp đồng giao khoán được lập, đội trưởng đội xây dựng lập giấy đề nghị tạm ứng

Mẫu số 2.5: Giấy đề nghị tạm ứng số 307

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 – 8**

Mẫu số 03-TT

Địa chỉ: **Số 520- Hồng Hải- Hạ Long- Quảng Ninh** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 30 tháng 08 năm 2010

Số: 307

Kính gửi: Ông Nguyễn Hữu Lưu

Tên tôi là: Hoàng Văn Mai

Địa chỉ: Tổ thi công thép

Đề nghị tạm ứng số tiền: 20 000 000

Viết bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn.

Lý do tạm ứng: Thanh toán tiền công công nhân

Thời hạn thanh toán : 1 tháng

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Khi chỉ huy trưởng các công trình thành toán tạm ứng kế toán căn cứ giấy thanh toán tiền tạm ứng để ghi sổ kế toán.

Mẫu số 2.6: Giấy thanh toán tiền tạm ứng

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Mẫu số 04-TT

Địa chỉ: **Số 520- Hồng Hải- Hạ Long- Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

- Họ tên người thanh toán: Nguyễn Xuân Anh
- Bộ phận: chi huy trưởng công trình nhà khách Tỉnh ủy
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
A	B
I. Số tạm ứng	50.000.000
1.Số tạm ứng kì trước chưa chi hết	2.000.000
2. Số tạm ứng kì này:	48.000.000
- Phiếu chi số 415 ngày 05 tháng 08 năm 1010	20.000.000
-	
II. Số tiền đã chi	
- Bảng thanh toán lương công nhân thép tháng 9 năm 2010	20.000.000
-	
III. Chênh lệch	5.000.000
1. Tạm ứng chi không hết (I-II)	5.000.000
2 Chi quá số tạm ứng (II-I)	

Giám đốc Kế toán trưởng Phụ trách bộ phận Người đề nghị tạm ứng
 (Ký,họ tên) (Ký,họ tên) (Ký,họ tên) (Ký,họ tên)

- Đối với chi phí nhân công trực tiếp phát sinh do xí nghiệp thuê ngoài nhân công. Đối với chi phí này, kế toán căn cứ HĐGTGT do bên cung cấp lao vụ phát hành để vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.1), sổ cái TK622 (Biểu số 2.5), sổ chi tiết tài khoản 622 (Biểu số 2.6)

Mẫu số 2.7: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0058659

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

QE/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0058659

Ngày 25 tháng 08 năm 2010

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI PHONG
Địa chỉ:.....	28 Hà Lâm -Hạ Long- Quảng Ninh
Số tài khoản:.....	MST:5700277643
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng: Hoàng Thế Cường

Tên đơn vị: Công ty TNHH 5 – 8

Địa chỉ: Số 520 Hồng Hải – Hạ Long – Quảng Ninh

Số tài khoản: **8000.211.010.074**

Hình thức thanh toán: CK MS: 5700491320-005

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Khối lượng xây lắp hoàn thành đường đào, đắp, làm móng thủ công	M ³	274	51664	14.155.936
Cộng tiền hàng:					14.155.936
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.415.594
Tổng cộng thanh toán:					15.571.530
Số tiền viết bằng chữ : Mười năm triệu, năm trăm bảy một nghìn, năm trăm ba mươi đồng					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty

Kế toán Công ty căn cứ hóa đơn, chứng từ do các xí nghiệp gửi về tập hợp các chứng từ về chi phí nhân công trực tiếp để vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.1), sổ cái TK 622 (Biểu số 2.5)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 – 8**

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010(Trích)

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số lũy kế đầu kỳ		34.067.453.342	34.067.453.342
31/08/2010	PKT1081	31/08/2010	Chi phí nhân công xí nghiệp 5/8	331	76.956.126	
31/08/2010	PKT1082	31/08/2010	Chi phí nhân công xí nghiệp 5/8	331	83.908.645	
31/08/2010	PKT1083	31/08/2010	Chi phí nhân công xí nghiệp 5/8	331	14.155.980	
					
30/09/2010	PKT1084	30/09/2010	Chi phí nhân công xí nghiệp 5/8	331	10.984.237	
30/09/2010	PKT1085	30/09/2010	Chi phí nhân công xí nghiệp 5/8	331	35.874.265	
30/09/2010	PKT1086	30/09/2010	Chi phí nhân công xí nghiệp 5/8	331	19.665.499	
					
31/12/2010	PKT1128	31/12/2010	K/C CPNC sang CPSXKDDD xí nghiệp 5/8	154		352.807.139

31/12/2010	PKT1129	31/12/2010	K/C CPNC sang CPSXKDDD xí nghiệp 17/5	154		875.084.896
31/12/2010	PKT1130	31/12/2010	K/C CPNC sang CPSXKDDD xí nghiệp 18/4	154		509.453.950
31/12/2010	PKT1131	31/12/2010	K/C CPNC sang CPSXKDDD xí nghiệp 30/4	154		1.142.809.806
			Cộng SPS		5.211.544.752	5.211.544.752
			Số lũy kế cuối kỳ		39.055.080.585	39.055.080.585

Kế toán công ty căn cứ vào hóa đơn, chứng từ do xí nghiệp gửi về tập hợp các hóa đơn chứng từ về chi phí nhân công trực tiếp để lập sổ chi tiết tài khoản 622 (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết tài khoản 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**
 Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải - Hạ Long- Quảng Ninh**

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 622- Chi phí nhân công trực tiếp
 Năm 2010 (Trích)
 Đối tượng: Đường ra Núi Tổ chim – Hòn Dơi (GD2)

Ngày, tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
31/08/2010	PKT1083	31/08/2010	Chi phí nhân công	331	84.155.980			
31/09/2010	PKT1083	31/09/2010	Chi phí nhân công	331	55.155.980			
31/10/2010	PKT1083	31/10/2010	Chi phí nhân công	331	62.155.980			
							
31/12/2010	PKT1128	31/12/2010	K/C CPNC sang CPSXKDDD	154		352.807.139		
			Cộng số phát sinh		352.807.139	352.807.139		

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2010
 Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.1.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công

Công ty TNHH 1 thành viên 5-8 là một công ty có các thiết bị xây dựng và máy thi công hiện đại, đáp ứng phần nào yêu cầu kỹ thuật của các công trình mà công ty thi công xây lắp như các loại kích thủy lực Masadu Nhật 100 tấn, xe vận tải chuyên dùng, máy phát hàn, ... hiện nay. ở các đội đều có máy thi công riêng, công ty chỉ quản lý 1 số máy có giá trị lớn và điều động đến các công trình khi cần. Tuy nhiên do phần lớn các công trình mà công ty thi công lại phân bố rải rác nhiều nơi nên việc vận chuyển nhiều nơi nên việc vận chuyển máy thi công nhiều khi không thực hiện được, khi đó đội phải đi thuê ngoài máy thi công cho các công trình khi đội trưởng đề xuất để phục vụ kịp thời sản xuất, đẩy nhanh tiến độ thi công.

Kế toán tập hợp máy thi công tại các xí nghiệp

Đối với chi phí thuê ngoài máy thi công

Để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công do thuê ngoài ca máy, xí nghiệp sẽ trực tiếp ký hợp đồng kinh tế với bên cung cấp. Sau khi hoàn thành công việc theo đúng yêu cầu, bên cung cấp sẽ xuất HĐGTGT. Kế toán xí nghiệp căn cứ vào hóa đơn này để tổng hợp từng đối tượng chịu chi phí.

Trong tháng 8 có hợp đồng kinh tế sau:

Mẫu số 2.8: Hợp đồng kinh tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2010

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

PHẦN VIỆC: THI CÔNG ĐÀO ĐẤT MÓNG

Số :249/2010/HĐNC

Công trình: Đường ra núi Tô Chim – Hòn Dơi (GD 2)

Hạng mục: Tuyến đường Quốc lộ 5

Địa điểm xây dựng: Phường Bãi Cháy – Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

I.CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật xây dựng số 16 / 2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4.

- Căn cứ Nghị định số 16 / 2003/NĐ – CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT- BXD ngày 25/02/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng và văn bản số 2508/BXD – VP của Bộ Xây Dựng ngày 26/11/2007 về việc công bố mẫu hợp đồng xây dựng

Hôm nay, ngày 10 tháng 08 năm 2010

Tại: Công ty TNHH một thành viên 5 – 8

Địa chỉ: Số 520 Nguyễn Văn Cừ - Hạ Long – Quảng Ninh

Chúng tôi gồm có:

Bên A(Bên giao thầu):

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên 5 – 8

Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Lưu Chức vụ : Giám đốc xí nghiệp 5 –8

Thực hiện hợp đồng: ông Nguyễn Xuân Anh Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Địa chỉ: Số 520 Nguyễn Văn Cừ - Hạ Long – Quảng Ninh

Điện thoại : 0333 835774

Tài khoản: 8000.211.010.074

Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp & PT nông thôn Tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700491320-005

Bên B(Bên nhận thầu):

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH XDTM Hùng Trang.

Đại diện: Dương Thanh Tịnh Chức vụ: Giám đốc công ty

Nguyên Quán: Mạo Khê – Quảng Ninh

Số CMND: 100765876

Hai bên cùng nhau bàn bạc, thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao cho bên B thi công đào đất móng và chung chuyển đất trong công trường công trình: Đường ra núi Tổ chim - Hòn Dơi (GD 2)

Điều 2: **KHỐI LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ**

- Bắt đầu: Từ ngày 12 tháng 08 năm 2010
- Kết thúc: Từ ngày 12 tháng 09 năm 2010

Điều 3: **KHỐI LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ**

- Đơn giá đào đất móng và chùng chuyển đất là: 25.000đ/m³ (Bằng chữ: Hai mươi năm nghìn đồng trên một mét khối)
- Đơn giá máy ủi san mặt bằng là : 400.000 đ/1 giờ (Bằng chữ: Bốn trăm nghìn đồng trên một giờ)
- Đơn giá trên đã bao gồm GTGT 10 %
- Khối lượng công việc sẽ được đo đạc nghiêm thu thực tế thi công.

.....
ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Khi bên B gửi HĐGTGT

Mẫu số 2.9: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0058665

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

QE/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0058665

Ngày 12 tháng 10 năm 2010

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY TNHH XDTM Hùng Trang
Địa chỉ:.....	350- Mạo Khê – Quảng Ninh - Quảng Ninh
Số tài khoản:.....	MST:5700588231
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hoàng Hải

Tên đơn vị: Công ty TNHH 5 – 8

Địa chỉ: Số 520 Hồng Hải – Hạ Long – Quảng Ninh

Số tài khoản: **8000.211.010.074**

Hình thức thanh toán: CK

MS: 5700491320-005

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Đào đất móng và chung chuyển đất	M ³	4000	25000	100.000.000
2	Máy ủi san mặt bằng	giờ	82	400000	32.800.000
Cộng tiền hàng:					132.800.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			13.280.000
Tổng cộng thanh toán:					146.080.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng</i>					

Người mua hàng
(Đã ký)

Người bán hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký tên, đóng dấu)

- Đối với máy thi công do xí nghiệp quản lý

Nhân viên điều khiển máy thi công do doanh nghiệp thuê ngoài. Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sử dụng máy thi công như chi phí

nguyên, nhiên liệu, động lực chi bảo dưỡng máy thi công, thuê công nhân điều khiển máy do các chỉ huy trưởng các công trình chủ động chi bằng tiền tạm ứng.

Mẫu số 2.10: Giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH 5 - 8

Mẫu số 04-TT

Địa chỉ: Số 520- Hồng Hải- Hạ Long- Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kính gửi: Ông Trần Cường

Tên tôi là: Nguyễn Tiến Thịnh

Địa chỉ: Chỉ huy trưởng công trình tuyến đường quốc lộ 5

Đề nghị tạm ứng số tiền: 30.000.000

(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Tạm ứng chi phí tháng 10 năm 2010

Thời hạn thanh toán: 1 tháng

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Mẫu số 2.11: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0058670

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

QE/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0058670

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ công nghệ tài nguyên môi trường

Địa chỉ: 81 Nguyễn Ngọc Hoàng – Bãi Cháy – Quảng Ninh

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MST: 5700 2580246.

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hoàng Hải

Tên đơn vị: Công ty TNHH 5 – 8

Địa chỉ: Số 520 Hồng Hải – Hạ Long – Quảng Ninh

Số tài khoản: **8000.211.010.074**

Hình thức thanh toán: CK MS: 5700491320

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bảo dưỡng kiểm định máy	Lần	01	900.000	900.000
Cộng tiền hàng:					900.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		90.000
Tổng cộng thanh toán:					990.000

Số tiền viết bằng chữ : *Chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn.*

Người mua hàng
(Đã ký)

Người bán hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký tên, đóng dấu)

Riêng đối với khoản chi phí khấu hao máy thi công, kế toán không tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí. Khi công ty báo Nợ khấu hao xuống cho xí nghiệp, kế toán tại xí nghiệp sẽ treo khoản chi phí này trên TK142. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ dần cho các công trình, hạng mục công trình. Việc

phân bổ vào thời điểm nào với số tiền bao nhiêu tùy thuộc ý kiến chủ quan của người làm kế toán tại công ty. Khi đó căn cứ vào chứng từ kết chuyển

Biểu số 2.7: Chứng từ phân bổ máy thi công

Đơn vị: CÔNG TY TNHH 5 - 8

Địa chỉ: Số 520- Hồng Hải- Hạ Long- Quảng Ninh

CHỨNG TỪ PHÂN BỔ
Ngày 31 tháng 10 năm 2010
Số : 1095

Diễn giải	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phân bổ chi phí khấu hao MTC CT đường ra núi Tổ Chim – Hòn Dơi	623	142	40.000.000	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng chẵn

Người lập phiếu Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào các chứng từ kế toán vào sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.1*), sổ cái TK623 (*Biểu số 2.8*), sổ chi tiết tài khoản TK 623 (*Biểu số 2.9*) và các sổ khác có liên quan. Đối với các công trình khác cũng tương tự.

Kế toán tập hợp chi phí máy thi công tại Công ty

Cuối tháng, kế toán Công ty căn cứ các hóa đơn, chứng từ và sổ sách kế toán do các xí nghiệp gửi về, tập hợp các hóa đơn, chứng từ liên quan đến chi phí máy thi công để vào sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.1*), sổ cái TK623 (*Biểu số 2.8*), sổ chi tiết tài khoản 623 (*Biểu số 2.9*) và các sổ khác có liên quan. Đối với các công trình, các xí nghiệp khác cũng được tập hợp tương tự.

Biểu số 2.8: Sổ cái TK623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010 (trích)

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu: 623

Đơn vị tính: **Đồng**

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số lũy kế đầu kỳ		50.352.760.086	50.352.760.086
31/08/2010	PKT1084	31/08/2010	Chi phí nhân máy xí nghiệp 5/8	141	200.000	
31/08/2010	PKT1085	31/08/2010	Chi phí nhân máy xí nghiệp 5/8	141	900.000	
31/08/2010	PKT1086	31/08/2010	Chi phí nhân máy xí nghiệp 5/8	141	1.860.000	
					
31/10/2010	PKT1097	31/10/2010	Chi phí nhân máy xí nghiệp 5/8	331	178.900.000	
31/10/2010	PKT1099	31/10/2010	Chi phí nhân máy xí nghiệp 5/8	141	500.000	
31/10/2010	PKT1111	31/10/2010	Phân bổ chi phí KH MTC xí nghiệp 5/8	142	28.000.000	
31/10/2010	PKT1112	31/10/2010	Phân bổ chi phí KH MTC xí nghiệp 5/8	142	40.000.000	
					
31/12/2010	PKT1129	31/12/2010	K/C máy sang CPSXKDDD xí nghiệp 5/8	154		105.842.141

31/12/2010	PKT1130	31/12/2010	K/C máy sang CPSXKDDD xí nghiệp 17/5	154		231.874.500
31/12/2010	PKT1131	31/12/2010	K/C máy sang CPSXKDDD xí nghiệp 18/4	154		215.432.709
31/12/2010	PKT1132	31/12/2010	K/C máy sang CPSXKDDD xí nghiệp 30/4	154		176.346.097
			Cộng SPS		5.024.137.584	5.024.137.584
			Số lũy kế cuối kỳ		55.376.897.670	55.376.897.670

Từ chứng từ gốc (HĐGTGT...) kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 623 (Biểu số 2.9)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết tài khoản 623- Chi phí máy thi công

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

Mẫu số **S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 623- Chi phí máy thi công

Năm 2010 (trích)

Đối tượng: Đường ra Núi Tổ chim – Hòn Dơi (GD2)

Ngày, tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
31/08/2010	PKT1074	31/08/2010	Chi phí máy	141	200.000			
31/08/2010	PKT1095	31/08/2010	Chi phí máy	141	900.000			
							
31/10/2010	PKT1085	31/10/2010	Chi phí máy	141	1.860.000			
31/10/2010	PKT1086	31/10/2010	Chi phí máy	331	78.900.000			
31/10/2010	PKT1112	31/10/2010	Phân bổ chi phí KH MTC	142	28.000.000			
							
31/10/2010	PKT1119	31/10/2010	Phân bổ chi phí KH MTC	142	40.000.000			
31/10/2010	PKT1129	31/10/2010	K/C máy sang CPSXKDDD	154		105.842.141		
			Số phát sinh		105.842.141	105.842.141		

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

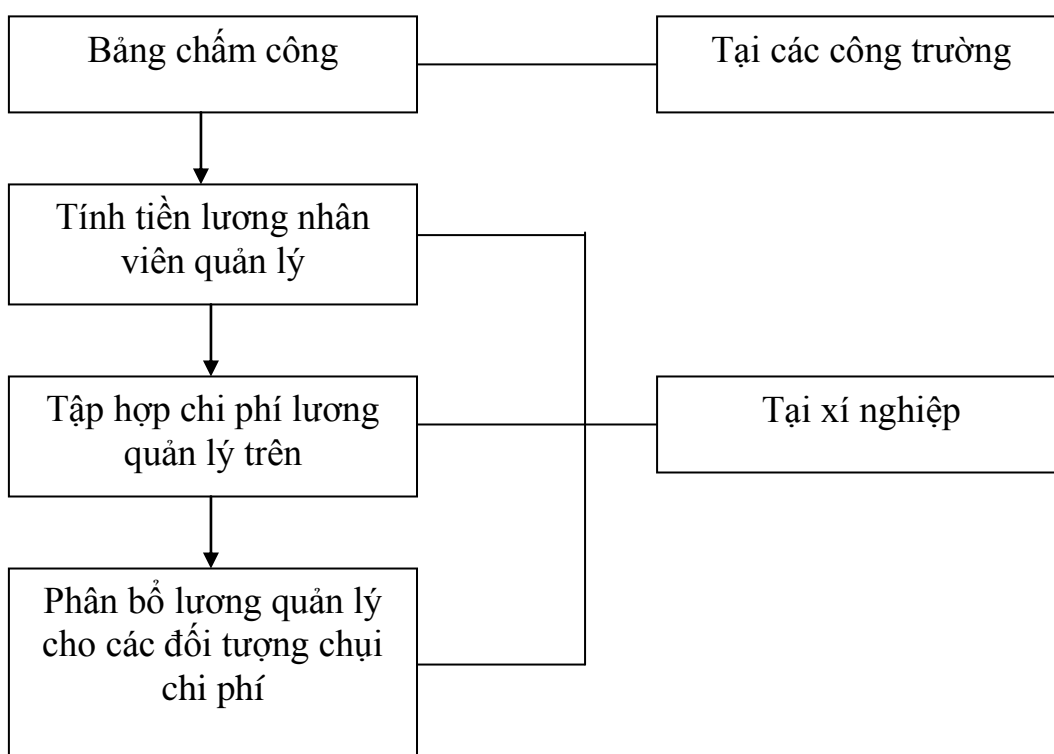
Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung tại các xí nghiệp

Hàng tháng, căn cứ kế hoạch chi trong tháng, chỉ huy trưởng các công trình kế hoạch chi và tạm ứng để sử dụng trong tháng. Cuối tháng, chỉ huy trưởng các công trình tập hợp hóa đơn, chứng từ có liên quan nộp về xí nghiệp để hoàn ứng chi phí. Khoản mục chi phí này được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

Riêng đối với chi phí tiền lương nhân viên quản lý không được kế toán tập hợp trực tiếp mà được tập hợp theo quy trình sau:



kế toán căn cứ vào chứng từ phân bổ để lập sổ nhật ký chung (Biểu số 2.1), sổ cái TK627(Biểu số 2.11), sổ chi tiết TK627 (Biểu số 2.12)và các sổ khác có liên quan

Biểu số 2.10: Chứng từ phân bổ chi phí sản xuất chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH 5 - 8

Địa chỉ: Số 520- Hồng Hải- Hạ Long- Quảng Ninh

CHỨNG TỪ PHÂN BỐ

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Số : 1095

Diễn giải	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phân bổ lương quản lý CT đường ra núi Tổ Chim – Hòn Dơi (GD2)	627	142	100.000.000	

Số tiền bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Quá trình tập hợp chi phí sản xuất chung tại Công ty

Cuối tháng, sau khi nhận được các hóa đơn chứng từ và các sổ sách kế toán do các xí nghiệp gửi về, kế toán Công ty sẽ tập hợp hóa đơn, chứng từ liên quan chi phí sản xuất chung giống các xí nghiệp. Kế toán lập Sổ nhật ký chung(*Biểu 2.1*), sổ cái TK627 (*Biểu số 2.11*), sổ chi tiết TK627 (*Biểu số 2.12*) và các sổ khác có liên quan

Biểu số 2.11: Sổ cái TK627 - Chi phí sản xuất chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010(Trích)

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số lũy kế đầu kỳ		200.895.129.078	200.895.129.078
31/08/2010	PKT1075	31/08/2010	Chi phí điện nước xí nghiệp 5/8	141	8.397.620	
31/08/2010	PKT1076	31/08/2010	Chi phí thí nghiệm gỗ xí nghiệp 5/8	141	6.666.666	
31/08/2010	PKT1078	31/08/2010	Chi phí điện thoại xí nghiệp 5/8	141	663.001	
31/08/2010	PKT1080	31/08/2010	Chi phí lán trại xí nghiệp 5/8	141	9.278.000	
31/08/2010	PKT1082	31/08/2010	Chi phí thuê ván giáo thi công xí nghiệp 5/8	141	50.368.000	
					
30/09/2010	PKT1098	30/09/2010	Chi phí văn phòng xí nghiệp 5/8	141	7.283.636	

30/09/2010	PKT1100	30/09/2010	Chi phí lán trại xí nghiệp 5/8	141	5.445.000	
30/09/2010	PKT1101	30/09/2010	Chi phí điện thoại xí nghiệp 5/8	141	650.000	
30/09/2010	PKT1102	30/09/2010	Chi phí văn phòng xí nghiệp 5/8	141	2.042.000	
30/09/2010	PKT1103	30/09/2010	Chi phí thí nghiệm vật liệu xí nghiệp 5/8	141	40.000.000	
					
31/12/2010	PKT1138	31/12/2010	Kết chuyển CPSXC sang CP SXKD DD xí nghiệp 5/8	154		308.752.360
31/12/2010	PKT1138	31/12/2010	Kết chuyển CPSXC sang CP SXKD DD xí nghiệp 17/5	154		573.098.675
31/12/2010	PKT1138	31/12/2010	Kết chuyển CPSXC sang CP SXKD DD xí nghiệp 18/4	154		208.475.016
31/12/2010	PKT1138	31/12/2010	Kết chuyển CPSXC sang CP SXKD DD xí nghiệp 30/4	154		1.025.014.540
			Cộng SPS		10.092.078.965	10.092.078.965
			Số lũy kế cuối kỳ		210.987.208.043	210.987.208.043

Từ chứng từ gốc (HĐGTGT...) kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 627 (Biểu số 2.12)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung

Năm 2010 (Trích)

Đối tượng: Đường ra Núi Tô chim – Hòn Dơi (GD2)

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
31/08/10	PKT1075	31/08/2010	Chi phí điện nước	141	8.397.620			
31/08/10	PKT1076	31/08/2010	Chi phí thí nghiệm gỗ	141	6.666.666			
							
30/11/10	PKT1078	30/11/2010	Chi phí điện thoại	141	663.001			
30/11/10	PKT1080	30/11/2010	Chi phí lán trại	141	9.278.000			
30/11/10	PKT1082	30/11/2010	Chi phí thuê ván giáo thi công	141	50.368.000			
30/11/10	PKT1098	30/11/2010	Chi phí văn phòng	141	7.283.636			
							
31/12/10	PKT1129	31/12/2010	KCCP SXC sang CP SCKD DD	154		482.656.923		
			Số phát sinh		308.752.360	308.752.360		

Biểu số 2.13: Bảng kê tổng hợp chi phí NVL, chi phí máy

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên 5 - 8
Địa chỉ: Số 520 Hồng Hải- Hạ Long_ Quảng Ninh

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 Độc lập - tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ TỔNG HỢP CHI PHÍ NVL, CHI PHÍ MÁY

Tháng 10 năm 2010

Công trình: Đường ra Núi Tổ Chim _ Hòn Dơi (GD2)

Tổng số chứng từ: 03 Chứng từ

Nợ TK 621: 24.314.286

Nợ TK623: 1.100.000

Nợ TK 133: 1.215.714

STT	Ngày	Nội dung	TKĐƯ	Số tiền	Thuế VAT	Tổng số tiền
1	22/09/10	Hoá đơn sửa chữa vận thăng	141	900.000	0	900.000
2	31/10/10	Hoá đơn bê tông	331	24.314.286	1.215.714	25.530.000
3	31/10/10	Hoá đơn dầu biến thế	141	200.000	0	200.000
		Cộng		25.414.286	1.215.714	26.630.000

Bảng chữ: Hai mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng.

Ngày 31/10/2010

GIÁM ĐỐC CÔNG TY KẾ TOÁN CÔNG TY NGƯỜI LẬP PHIẾU

Biểu số 2.14: Bảng kê tổng hợp chi phí sản xuất chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH 5 - 8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 520 Hồng Hải- Hạ Long_Quảng Ninh

Độc lập - tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ TỔNG HỢP CHI PHÍ CHUNG

Tháng 10 năm 2010

Công trình: Đường ra Núi Tổ Chim _ Hòn Dơi (GD 2)

Tổng số chứng từ: 08 Chứng từ

Nợ TK 627: 75.103.832

Nợ TK 133: 5.709.489

STT	Ngày	Nội dung	TK ĐU	Số tiền	Thuế VAT	Tổng số tiền
I		<u>Điện nước</u>		<u>8.397.620</u>		<u>8.397.620</u>
1	22/09/10	Tiền điện thi công T6/2010	141	6.197.620		6.197.620
2	29/09/10	Hoá đơn máy bơm	141	2.200.000		2.200.000
II		<u>Thí nghiệm</u>		<u>6.666.666</u>	<u>333.334</u>	<u>7.000.000</u>
1	13/09/10	Hoá đơn thí nghiệm gỗ	141	6.666.666	333.334	7.000.000
III		<u>Văn phòng</u>		<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>
IV		<u>Điện thoại</u>		<u>393.546</u>	<u>39.355</u>	<u>432.901</u>
1	15/10/10	Hoá đơn điện thoại	141	393.546	39.355	432.901
V		<u>Lán trại</u>		<u>9.278.000</u>	<u>300.000</u>	<u>9.578.000</u>
1	1/09/10	Hoá đơn bạt xây dựng	141	3.000.000	300.000	3.300.000
2	11/09/10	Hoá đơn bạt xây dựng	141	2.976.000	0	2.976.000
3	25/09/10	Hoá đơn bạt xây dựng	141	3.302.000	0	3.302.000
VI		<u>Ván giáo thi công</u>		<u>50.368.000</u>	<u>5.036.800</u>	<u>55.404.800</u>
1	25/10/10	Hoá đơn thuê cotpha, tôn	331	50.368.000	5.036.800	55.404.800
		<u>Tổng cộng</u>		<u>75.103.832</u>	<u>5.709.489</u>	<u>80.813.321</u>

Bằng chữ: Tám mươi triệu, tám trăm mười ba nghìn, ba trăm hai một đồng

Ngày 31/10/2010

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

KẾ TOÁN CÔNG TY

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Biểu số 2.15: Bảng tổng hợp phân bổ chi phí

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long_Quảng Ninh**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỐ CHI PHÍ

Tháng 10 năm 2010

Công trình: Đường ra Núi Tô Chim _ Hòn Dơi (GD2)

Nợ TK 627 : 400.000.000

Nợ TK623: 40.000.000

Có TK 142: 440.000.000

STT	Ngày	Nội dung	TKĐƯ	Số tiền
1	31/10/2010	Phân bổ CP KH TSCĐ CT Đường ra Núi Tô Chim – Hòn Dơi	623	40.000.000
2	31/10/2010	Phân bổ chi phí lương CT Đường ra núi Tô Chim – Hòn Dơi	627	100.000.000
3	31/10/2010	Phân bổ chi phí lãi vay CT Đường ra núi Tô Chim – Hòn Dơi	627	300.000.000
		Tổng cộng		440.000.000

Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi triệu đồng chẵn

Ngày 31/10/2010

KẾ TOÁN CÔNG TY

XÍ NGHIỆP THAN 5 - 8

NGƯỜI LẬP

2.2.2. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH một thành viên 5 - 8

Cuối năm, công ty thực hiện tổng hợp chi phí phát sinh trong năm cho từng công trình, rồi trên cơ sở đó tính ra tổng chi phí sản xuất phát sinh của cả công ty. Mỗi công trình, hạng mục công trình đều được mở sổ chi tiết theo dõi chi phí sản xuất phát sinh theo từng khoản mục chi phí để làm cơ sở cho việc tính toán giá thành sản phẩm sau này.

Vì hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên công ty sử dụng TK154 “ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” kế toán tổng hợp cộng số liệu trên cột bên nợ của các sổ cái TK621, 622, 623, 627 vào sổ cái TK154, sổ chi tiết TK154

2.2.2.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Tại xí nghiệp

Do đặc điểm thời gian quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành không cố định mà tùy thuộc vào tiến độ thi công thực tế tại công trường. Do đó, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Cuối kỳ kế toán vào sổ cái và kết chuyển lỗ lãi. Khi đó toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp ở đầu 6 sẽ được kế toán kết chuyển sang TK154.

Sau khi thực hiện bút toán kết chuyển, kế toán lập sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.1*), sổ cái TK154 (*Biểu số 2.16*), sổ chi tiết TK 154 (*Biểu số 2.17*) và các sổ khác có liên quan.

Tại công ty

Quá trình thực hiện tại Công ty cũng giống ở xí nghiệp. Sau khi thực hiện xong bút toán kết chuyển. Kế toán sẽ lập sổ cái TK154 (*Biểu số 2.16*) , sổ chi tiết TK154 (*Biểu số 2.17*) và các sổ khác có liên quan.

Biểu số 2.16: Sổ cái tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010 (Trích)

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>175.196.382.956</u>	
31/12/2010	PKT1123	31/12/2010	K/C CP tính giá thành xí nghiệp 5/8	632		2.918.247.278
31/12/2010	PKT1128	31/12/2010	K/C CPNVL sang CPSXKD DD xí nghiệp 5/8	621	2.150.845.638	
31/12/2010	PKT1129	31/12/2010	K/C CPNC sang CPSXKD DD xí nghiệp 5/8	622	352.807.139	
31/12/2010	PKT1130	31/12/2010	K/C CP máy sang CPSXKD DD xí nghiệp 5/8	623	105.842.141	
31/12/2010	PKT1131	31/12/2010	K/C CPSXC sang CP SXKD DD xí nghiệp 5/8	627	308.752.360	
31/12/2010	PKT1131	31/12/2010	K/C CP tính giá thành xí nghiệp 17/5	632		3.381.490.142
31/12/2010	PKT1132	31/12/2010	K/C CPNVL sang CPSXKD DD xí nghiệp 17/5	621	2.843.577.239	
31/12/2010	PKT1133	31/12/2010	K/C CPNC sang CPSXKD DD xí nghiệp 17/5	622	14.155.980	
31/12/2010	PKT1134	31/12/2010	K/C CP máy sang CPSXKD DD xí nghiệp 17/5	623	41.100.000	
31/12/2010	PKT1135	31/12/2010	K/C CPSXC sang CP SXKD DD xí nghiệp 17/5	627	482.656.923	
					

			Cộng SPS		58.422.568.878	35.329.853.680
			Số lũy kế cuối kỳ		292.856.337.088	94.567.238.934
			Số dư cuối kỳ		<u>198.289.098.154</u>	

Từ chứng từ gốc (HĐGTGT...) kế toán lập sổ chi tiết tài khoản 154 (*Biểu số 2.17*)

Biểu số 2.17: Sổ chi tiết tài khoản 154 - Chi phí kinh doanh dở dang

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: **Số 520 Hồng Hải- Hạ Long - Quảng Ninh**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 154- Chi phí kinh doanh dở dang

Năm 2010 (Trích)

Đối tượng: Đường ra Núi Tô Chim – Hòn Dơi (GD2)

Ngày, tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>0</u>	
31/12/2010	PKT1123	31/12/2010	K/C CP Z CT : Đường ra Núi Tô Chim - Hòn Dơi	632		2.918.247.278		
31/12/2010	PKT1128	31/12/2010	K/C CPNVL sang CPSXKD DD	621	2.150.845.638			
31/12/2010	PKT1129	31/12/2010	K/C CPNC sang CPSXKD DD	622	352.807.138			
31/12/2010	PKT1130	31/12/2010	K/C CP máy sang CPSXKD DD	623	105.842.141			
31/12/2010	PKT1132	31/12/2010	K/C CPSXC sang CP SXKD DD	627	308.752.360			
			Số phát sinh		2.918.247.278	2.918.247.278		
			Số dư cuối kỳ				<u>0</u>	

2.2.2.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty

Sản phẩm làm dở của xí nghiệp chính là các công trình, hạng mục công trình mà đến cuối thời kỳ hạch toán vẫn còn trong giai đoạn thi công chưa hoàn thành bàn giao. Mục đích nhằm xác định giữa khối lượng đã làm được với chi phí sản xuất bỏ ra có phù hợp không, chi phí bỏ ra vượt so với khối lượng thừa hay khối lượng lớn hơn chi phí để từ đó có những biện pháp quản lý.

Đến cuối mỗi tháng cán bộ kỹ thuật, đội trưởng công trình có nhiệm vụ xác định khối lượng dở dang của từng công trình trên cơ sở căn cứ vào nhật ký thi công, điểm dừng kỹ thuật, bản vẽ thi công để từ đó tính toán ra số lượng đã thi công, đó chính là khối lượng thi công dở dang (như căn cứ vào khối lượng đó và dựa vào định mức để xác định mức tiêu hao của từng loại vật liệu đã cấu tạo nên thực thể của công trình). Cán bộ kỹ thuật định đơn giá phù hợp với từng công việc của từng công trình cụ thể và tính ra chi phí dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ cùng các tài liệu liên quan khác gửi sang phòng kế toán để xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ, theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán.

Đối với công trình Đường ra Núi Tô Chim – Hòn Dơi (GD2), giá trị hợp đồng là 3.300.000.000 đồng (cả thuế GTGT). Công trình đã nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng nên tại thời điểm công trình hoàn thành không còn sản phẩm dở dang.

2.2.2.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Từ những chi phí thực tế phát sinh, chi phí khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ, cuối kỳ đã tập hợp và tính toán được kế toán tiến hành tính giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao theo công trình, hạng mục công trình theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Giá thành thực} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{tế của sản phẩm} & = & \text{của khối lượng} & + & \text{của khối lượng} & + & \text{của KL xây} \\
 \text{xây lắp hoàn} & & \text{xây lắp dở dang} & & \text{xây lắp dở dang} & & \text{lắp dở dang} \\
 \text{thành, bàn giao} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ}
 \end{array}$$

Khi công trình hoàn thành, bàn giao thì đại diện của xí nghiệp, đại diện của công ty cùng đại diện bên chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng công trình theo hợp đồng ký giữa công ty và bên chủ đầu tư. Sau đó lập biên bản nghiệm thu công trình.

Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp chi phí xây dựng

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH 5 - 8**

Địa chỉ: Số 520 Hồng Hải- Hạ Long_ Quảng Ninh

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG

(GIÁ THÀNH SẢN XUẤT)

Công trình: Đường ra Núi Tô Chim – Hòn Dơi (GD 2)

Địa điểm: P.Bãi Cháy - Hạ Long- Quảng Ninh

Giá trị thanh toán với chủ đầu tư: 3.300.000.000

Các khoản khấu trừ:

Thuế GTGT: 10 % 300.000.000

Còn lại quyết toán : 3.000.000.000

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Giá thành sản xuất của đội
I	Chi phí vật tư trực tiếp	<u>2.150.845.638</u>
1	- Vật liệu chính	2.150.845.638
2	- Vật liệu phụ	
3	- Vật tư điện nước	
4	- Nhiên liệu, động lực	
5	- Công cụ, dụng cụ lao động	
II	Chi phí nhân công trực tiếp	<u>352.807.139</u>
1	- Tiền lương, tiền công	352.807.139
2	- Tiền ăn ca	
3	- Bảo hiểm xã hội	
4	- Bảo hiểm y tế	
5	- Kinh phí công đoàn	
6	- Bảo hiểm thất nghiệp	
III	Chi phí máy	<u>105.842.141</u>
1	- Chi phí nhiên liệu, tiền điện thi công	
2	- Chi phí nhân công máy	
3	- Chi phí KH TSCĐ	20.000.000
4	- Chi phí sửa chữa TSCĐ	

5	- Thuê ca máy	85.842.141
IV	Chi phí sản xuất chung	301.752.360
1	Tiền lương	50.000.000
	Tiền lương	50.000.000
	BHXH, BHYT	
	Kinh phí công đoàn	
	Bảo hiểm thất nghiệp	
2	Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	
	Chi phí thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	
	Chi phí cho y tế lao động	
	Chi phí đào tạo lao động	
3	Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.451.061
3.1	Điện nước, điện thoại	7.000.000
	Thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, in ấn	5.000.000
	Công cụ dụng cụ	1.855.061
	Tiền thuê kiểm toán	
	Tiền thuê dịch vụ pháp lý	
	Tiền mua bảo hiểm tài sản, thiết bị thi công	
	Tiền mua bảo hiểm tai nạn con người	
	Tiền thuê thiết kế, bảo vệ thương hiệu	
3.2	Chi phí thuê sửa chữa TSCĐ	
	Khấu hao TSCĐ	
3.3	Các khoản chi phí	
	Mua và sử dụng tài liệu kỹ thuật, giấy phép	
3.4	Tiền thuê TSCĐ hoạt động theo hợp đồng	35.000.000
3.5	Chi phí mua ngoài nhà thầu chính	
3.6	Công tác chi phí	
	Chi phí đi lại, tiền thuê nhà ở	4.596.000
3.7	Phụ cấp tàu xe, đi nghỉ phép	
3.8	CP thuê ngoài, mua ngoài phục vụ HĐSXKD	
	Thuê vận chuyển	
4	Các khoản chi khác	
4.1	Chi cho lao động nữ	
4.2	Chi bảo hộ lao động, trang phục khác	
4.3	Chi bảo vệ trụ sở, công trường	
4.4	Chi phí hiệp hội	
	Nộp quỹ quản lý cấp trên	
4.5	Chi phí bảo lãnh hợp đồng	
5	Trả lãi vay: Vốn SXKD	190.170.753
6	Chi phí dự phòng giảm giá, nợ khó đòi	
	Chi phí bảo hành sản phẩm	
	Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	
7	Trợ cấp thôi việc cho người lao động	

8	Chi phí tiêu thụ(chi phí vận chuyển,...)	
9	Chi phí: Quảng cáo, tiếp thị	9.130.546
10	Chi phí tiền thuê đất, thuế môn bài, cầu phà...	
11	Chi phí đào tạo công nhân	
12	Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	
V	Trực tiếp phí khác	<u>7.000.000</u>
1	Chi phí chuẩn bị mặt bằng thi công và dọn dẹp sau khi TC xong (Vệ sinh công nghiệp toàn nhà sau khi thi công xong)	
	Chi phí lắp đặt thi công: Định vị công trình, đôn cây, chặt gốc	
	Chi phí lắp đặt thi công: đường sá, đường cấp nước, cấp điện	
	Chi phí lán trại: Nhà chỉ huy, kho, xưởng gia công	5.000.000
2	Bơm nước, vét bùn	
3	Thí nghiệm vật liệu	
4	Di chuyển nhân lực, thiết bị thi công đến công trường và nội bộ công trường	2.000.000
5	An toàn lao động (Ứng giày, Găng tay, mũ kính hàn...)	
6	Chi bảo vệ môi trường cho người lao động(phun nước chống, hút dọn đất, vật liệu phế thải, chống ồn)	
7	Bảo vệ công trường	3.302.000
VI	Trực tiếp phí khác	<u>27.745.509</u>
1	Chi phí chuẩn bị mặt bằng thi công và dọn dẹp sau khi TC xong (Vệ sinh công nghiệp toàn nhà sau khi thi công xong)	
	Chi phí lắp đặt thi công: Định vị công trình, đôn cây, chặt gốc	
	TỔNG CHI PHÍ	<u>2.918.247.278</u>

Lợi nhuận đạt được sau thuế GTGT :

81.752.722

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP

XÍ NGHIỆP 5/8

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Chương 3

MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẬP TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 5-8

3.1. Nhận xét, đánh giá khái quát về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH một thành viên 5 - 8

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp, đều hoạt động dưới sự tác động của các quy luật kinh tế trong đó có quy luật cạnh tranh. Các doanh nghiệp luôn phải nghiên cứu, phân tích thông tin để đưa ra những quyết định kinh tế phù hợp. Một trong những quyết định có ý nghĩa quan trọng là quyết định về chính sách giá. Nó vừa có quyết định việc thu hút khách hàng cũng như xác định lãi lỗ của doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp xây dựng, giá thành thường được xác định trước trong một phạm vi nhất định. Đó là do quá trình thi công luôn phải gắn liền và lấy dự toán làm chuẩn. Giá cả trong xây dựng thường nằm trong một khung giá nhất định của Nhà nước. Vì vậy, việc quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời để đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kì và có căn cứ để đưa ra những quyết định hợp lý, các nhà quản trị doanh nghiệp cần có những thông tin, số liệu chính xác và kịp thời. Cũng xuất phát từ những nhu cầu này mà kế toán đã ra đời và nó ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong nền kinh tế thị trường, trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một yếu tố không thể thiếu trong hệ thống đó. Nhận thức được tầm quan trọng này công ty TNHH một thành viên 5 – 8 chú trọng tới việc nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác kế toán, đó là không ngừng củng cố và phát triển đội ngũ nhân viên kế toán cả về nhận thức lẫn trình độ nghiệp vụ. Đồng thời, Công ty đã đưa những ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác hạch toán kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

Trong quá trình học tập ở trường em đã được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác hạch toán kế toán. Kết hợp với quá trình thực tập tại đơn vị, được tìm

hiểu về thực tế tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng. Từ đó em có cơ hội để so sánh, đối chiếu kiến thức trong trường với việc vận dụng thực tế tại Công ty. Với trình độ còn hạn chế và thời gian thực tập chưa nhiều, em xin đưa ra một vài ý kiến nhận xét về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp và đưa ra một vài ý kiến của bản thân để hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây, lắp tại công ty TNHH một thành viên 5 – 8.

3.1.1. Những điểm đạt được trong việc tổ chức bộ máy kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng

Thứ nhất: Công ty có đội ngũ kế toán nhiều kinh nghiệm, có năng lực và hiểu biết rộng trong lĩnh vực xây, lắp. Đây là điều kiện thuận lợi để kế toán có nhận thức, xác định đúng bản chất, đối tượng kế toán và chủ động trong công tác hạch toán kế toán.

Thứ hai: Kế toán đơn vị đã xác định đúng dẫn đối tượng kế toán tập hợp chi phí (công trình, hạng mục công trình) và đối tượng tính giá thành (giai đoạn, công việc hoàn thành có giá trị dự toán riêng). Điều này có ý nghĩa quyết định trong việc tính toán chính xác chi phí và giá thành xây, lắp.

Thứ ba: Đơn vị đã xây dựng được chế độ quản lý chi phí hợp lý và chặt chẽ. Đó là việc xây dựng các định mức xây dựng, quá trình tổ chức thi công luôn bám sát và lấy dự toán làm chuẩn. Công ty đã xây dựng quy chế sử dụng chi phí chung chặt chẽ (như: quy chế sử dụng điện thoại, internet, chi phí hậu cần...) góp phần đáng kể trong công tác tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất.

Thứ tư: Việc hạch toán chi phí và giá thành tương đối chi tiết, cụ thể. Đặc biệt việc tính giá thành và phân bổ các chi phí theo khối lượng công việc hoàn thành được quyết toán cho việc xác định và đánh giá hiệu quả từng công việc dễ dàng, không phát sinh khoảng cách độ trễ giữa thời điểm phát sinh thu nhập và chi phí.

Thứ năm: Cơ chế khoán đến từng xí nghiệp, đội đã đóng góp vai trò to lớn trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc nói chung và công tác

quản lý chi phí, giá thành nói riêng. Việc các xí nghiệp, các đội cũng có tổ chức bộ máy kế toán đã giúp cho quá trình hạch toán được chính xác và kịp thời, đồng thời giảm bớt khối công việc cho kế toán tại Công ty.

Để công tác kế toán thực sự thực hiện hết chức năng nhiệm vụ của chính mình bộ máy kế toán công ty cần phát huy những điểm đã đạt được và nhìn nhận những mặt còn hạn chế để khắc phục những hạn chế này.

3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành xây, lắp tại công ty TNHH một thành viên 5 - 8

Bên cạnh những mặt mạnh đã đạt được, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty còn có một số hạn chế như sau:

Một là: Việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ của Công ty còn nhiều bất cập. Công ty không tiến hành đánh giá trực tiếp sản phẩm dở dang cuối kỳ mà tập hợp toàn bộ chi phí trên tài khoản 154, nếu cuối kỳ khối lượng công việc chưa hoàn thành thì treo trên tài khoản này và sang kỳ sau được chuyển thành chi phí sản xuất trong sản xuất dở dang đầu kỳ. Đối với toàn bộ công trình, hạng mục công trình, sau khi tính được giá thành của phần công việc hoàn thành kế toán sẽ kết chuyển phần chi phí này từ TK154 sang TK632, số dư của TK154 lúc này chính là chi phí sản xuất trong sản phẩm dở dang cuối kỳ của toàn bộ công trình, hạng mục công trình. Việc đánh giá, tính toán như vậy không phản ánh chính xác giá trị xây lắp nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Hai là: Bộ máy kế toán của Công ty nhìn chung còn khá rườm rà, số lượng cán bộ kế toán trên toàn Công ty, nhất là ở các xí nghiệp các đội khá đông trong khi tại các đơn vị này vẫn chưa hạch toán độc lập. Kế toán đội có nhiệm vụ chính là tập hợp hóa đơn, chứng từ gửi về Công ty, việc ghi chép sổ sách ở dưới các xí nghiệp, các đội chủ yếu phục vụ cho việc đối chiếu, so sánh ở Công ty. Tất cả các hoạt động mua bán vật tư, hàng hóa tại các xí nghiệp, các đội đều phải sử dụng thông qua Tài khoản NH của Công ty, việc ký kết các hợp đồng kinh tế cũng do Công ty đứng tên, điều này đã làm hạn chế độ linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, các đội.

Ba là: Đối với các khoản mục chi phí máy và chi phí sản xuất chung công ty không hạch toán chi tiết từng mục mà hạch toán tổng hợp trên TK623 và TK627 (chi tiết cho từng Công trình). Việc hạch toán như vậy sẽ làm giảm hiệu quả quản lý và giám sát chi phí sản xuất.

Bốn là: Việc phân bổ các chi phí của doanh nghiệp còn chưa hợp lý, nó chỉ phản ánh được sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí nhưng lại làm mất tính đúng kỳ của số liệu, không đảm bảo yêu cầu kịp thời và nguyên tắc cơ sở dồn tích trong kế toán. Đó là việc các chi phí như: Tiền lương quản lý, chi phí KHTSCĐ, chi phí lãi vay... khi phát sinh, đơn vị hạch toán trên tài khoản 142 và không phân bổ luôn cho các đối tượng chịu chi phí trong kỳ mà treo trên tài khoản này, khi có khối lượng xây lắp hoàn thành được quyết toán thì phân bổ theo một tỷ lệ nhất định. Điều này đã không phản ánh đúng số chi phí thực tế phát sinh trong kỳ mặc dù khi tính chi phí cho toàn bộ phần việc này không đổi. Thêm vào đó, kế toán đơn vị chưa xây dựng được tiêu thức phân bổ chi phí này một cách cụ thể mà chỉ phân bổ theo kinh nghiệm, việc phân bổ như vậy sẽ gây khó khăn trong việc kiểm soát chi phí cho nhà quản lý, gây khó hiểu cho người có nhu cầu xem xét thông tin liên quan.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH một thành viên 5 – 8

Xuất phát từ những tồn tại trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty TNHH 5 – 8, trên cơ sở kiến thức được trang bị tại trường học và một số kiến thức thực tế tích lũy được trong quá trình đi thực tập tại công ty. Em xin được đưa ra một vài ý kiến của cá nhân mình nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty như sau:

Ý kiến 1: Về việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Thực tế Công ty không tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ kế toán mà căn cứ vào công thức sau để xác định chi phí sản xuất trong sản phẩm dở dang cuối kỳ:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế trong} & & \text{Chi phí xây lắp} & & \text{Giá thành thực tế} \\ \text{trong khối lượng} & = & \text{khối lượng SPDD} & + & \text{thực tế phát} & - & \text{khối lượng xây, lắp} \\ \text{SPDD cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{sinh trong kỳ} & & \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array}$$

Việc xác định như vậy sẽ không phản ánh chính xác giá trị sản xuất trong sản phẩm dở dang cuối kỳ. Mặt khác, khi kế toán không đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ sẽ không xác định chính xác khối lượng xây lắp đã hoàn thành, nhất là trong trường hợp các công trình, hạng mục công trình có thời gian thi công dài, phức tạp về mặt kỹ thuật và chia thành nhiều giai đoạn, thời kỳ khác nhau.

Để phản ánh chính xác được chi phí sản xuất kinh doanh trong sản phẩm dở dang cuối kỳ thì cuối kỳ kế toán, kế toán phải tiến hành kiểm kê, đánh giá, xác định khối lượng xây lắp dở dang. Sau đó tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$C_{ddck} = \frac{C_{dk} + C_{tk}}{C_{htdt} + C'_{ckdt}} \times C'_{ckdt}$$

Trong đó:

C_{ddck} : Chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ

C_{dk} : Chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ

C_{tk} : Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ

C_{htdt} : Chi phí (hay giá trị) của khối lượng hay giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ theo dự toán

C'_{ckdt} : Chi phí (hay giá trị) của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán tính theo mức độ hoàn thành

Để xác định được giá trị dự toán sản phẩm dở dang cuối kỳ kế toán cần căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang và đơn giá dự toán.

Khi đó, giá trị dự toán sản phẩm dở dang được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá trị dự toán sản} & & \text{Khối lượng dở dang} & & \text{Đơn giá dự} \\ \text{phẩm dở dang cuối kỳ} & = & \text{cuối kỳ} & \times & \text{toán} \end{array}$$

Ý kiến 2: Bộ máy kế toán của Công ty cần được điều chỉnh lại, số lượng cán bộ kế toán trên toàn Công ty và ở các xí nghiệp cần tương xứng. Tất cả các hoạt động mua bán vật tư, hàng hóa tại các xí nghiệp, các đội nên sử dụng thông qua Tài khoản NH của các xí nghiệp, các đội như vậy việc ký kết các hợp đồng kinh tế xí nghiệp và đội sẽ linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp và đội.

Ý kiến 3: Đối với chi phí máy và chi phí sản xuất chung, kế toán nên tập hợp chi tiết chi phí theo từng khoản mục để công tác theo dõi chi phí được chặt chẽ.

Đối với chi phí máy chi tiết thành:

- +TK6231: chi phí công nhân
- +TK6232: Chi phí vật liệu
- +TK6233: Chi phí công cụ sản xuất
- +TK6234: Chi phí khấu hao máy thi công.
- +TK6237: Chi phí dịch vụ thuê ngoài
- +TK6238: Chi phí khác bằng tiền

Cụ thể, trong tháng 10 năm 2010 chi phí máy thi công phát sinh tại công trình Đường ra núi Tô Chim – Hòn Dơi (GD2) như sau:

Chi phí khấu hao máy thi công: 40.000.000 đồng

Khi đó, kế toán ghi:

Nợ TK623: 40.000.000 (chi tiết tài khoản 6234)

Có TK142: 40.000.000

Đối với TK627 chi tiết thành

- +TK6271 Chi phí nhân viên
- +TK6272 Chi phí vật liệu
- +TK 6273 Chi phí dụng cụ đồ dùng
- +TK6274 Chi phí khấu hao
- +TK 6277 Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK6278 Chi phí bằng tiền khác

Trong tháng 10 năm 2010 chi phí chung phát sinh tại công trình Đường ra núi Tô Chim – Hòn Dơi (GD2) như sau:

- Chi phí nhân viên đội: 100.000.000 đồng
- Kế toán ghi sổ:
- Nợ TK627: 100.000.000 (Chi tiết 6271)
- Có TK142: 100.000.000

Ý kiến 4: Việc phân bổ chi phí phát sinh trong kỳ

Để đảm bảo công tác kế toán phản ánh chính xác, kịp thời các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, khi có các khoản chi phí cần phân bổ phát sinh, kế toán cần phân bổ chi phí cho các đối tượng chịu chi phí luôn, chứ không treo trên TK142. Đối với các khoản chi phí như chi phí lương quản lý, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí lãi vay là những chi phí phát sinh có tính chất liên tục giữa các kỳ kế toán. Do đó, mỗi kỳ kế toán, kế toán phải phân bổ chi phí này vào các đối tượng chịu chi phí thích hợp. chỉ treo trên tài khoản 142 những khoản chi phí phát sinh một lần nhưng có tác dụng trong nhiều kỳ như chi phí công cụ dụng cụ loại phân bổ nhiều lần. Đối với chi phí bảo lãnh hợp đồng xây dựng, trường hợp đơn vị bảo lãnh thu ngay phí bảo lãnh từ đầu thì kế toán mới treo chi phí này trên tài khoản 142 rồi phân bổ đều cho các kỳ kế toán như trường hợp xuất dùng công cụ dụng cụ phân bổ nhiều lần, nếu phí bảo lãnh được đơn vị nhận bảo lãnh chấp nhận thanh toán hàng tháng kỳ kế toán tập hợp trực tiếp cho các đối tượng chịu chi phí.

Căn cứ vào bảng tính lương quản lý, tháng 10/2010 chi phí lương quản lý phát sinh tại công trình Đường ra núi Tô Chim (Giai đoạn 2) là 27.868.400 đồng.

Căn cứ bảng tính tiền lương hàng tháng, kế toán tập hợp trực tiếp chi phí tiền lương quản lý cho từng đối tượng chịu chi phí cụ thể. Đối với khoản chi phí tiền lương tại văn phòng xí nghiệp thì kế toán lựa chọn tiêu thức phù hợp để phân bổ cho từng đối tượng chịu chi phí. Chi phí lương quản lý toàn xí nghiệp là 122.268.420 đồng, lương quản lý bộ phận văn phòng xí nghiệp là 26.360.800 đồng. Nếu kế toán lấy lương quản lý phát sinh trực tiếp tại từng công trình làm

tiêu thức phân bổ thì lương quản lý của bộ phận văn phòng xí nghiệp được phân bổ cho công trình Đường ra núi Tô Chim – Hòn Dơi (GD2) là:

$$(26.360.800/122.268.420)*27.868.400 = 6.008.365 \text{ đồng}$$

Khi đó, tiền lương quản lý thực tế tính cho công trình Đường ra núi tô Chim – Hòn Dơi (GD2) tháng 10 là: $27.868.400 + 6.008.365 = 33.876.765$ đồng. Như vậy khi phân bổ lương quản lý cho công trình Đường ra núi Tô Chim – Hòn Dơi là 100.000.000 đồng đã làm sai lệch số chi phí thực tế phát sinh trong tháng cho công trình này là: 33.876.765 đồng, điều này làm chi phí sản xuất chung trong tháng 10 (tính cho công trình Đường ra núi Tô chim – Hòn Dơi) tăng $100.000.000 - 33.876.765 = 66.123.235$ đồng

Tương tự như vậy, kế toán xác định lại tiền lương cho các công trình khác.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất & tính giá thành sản phẩm là một trong những công tác quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu của phòng kế toán về tập hợp chi phí sản xuất & tính giá thành của từng sản phẩm, từ đó giúp cho DN đề ra được những biện pháp hạ giá thành sản phẩm và xây dựng được giá cả phù hợp.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH một thành viên 5 - 8 em thấy tầm quan trọng của công tác hạch toán kế toán trong quản lý doanh nghiệp.

Nhận thức được vấn đề trên và được sự giúp đỡ của cán bộ nhân viên phòng kế toán của công ty TNHH một thành viên 5 - 8 đã giúp em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp của mình với đề tài: “Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH một thành viên 5 - 8”.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do trình độ và nguồn tài liệu tham khảo còn hạn hẹp nên bài viết này của em mới chỉ đề cập đến những vấn đề có tính chất cơ bản và mới chỉ đưa ra được những ý kiến bước đầu nên không trách khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự quan tâm và tham gia đóng góp ý kiến của các thầy trong nhà trường và các cán bộ nhân viên phòng kế toán của công ty TNHH một thành viên 5 - 8 để bài viết này hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến T.S.Giang Thị Xuyên và các thầy cô giáo ngành kế toán kiểm toán của trường ĐHDL Hải Phòng cùng toàn bộ các cán bộ nhân viên phòng kế toán công ty đã giúp em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Hải phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Nguyễn Thị Đan